

TRITÂN

TẠP CHÍ VĂN HOÁ RA HÀNG TUẦN

Tòa báo và nhà in : 70, phố Bạch-Mai

Ty trị-sự : 195, phố Hàng Bông — Hanoi

TRONG SỐ NÀY :

- * Cho tiếng ta được phong-phú và thuần-túy ? *Hoa-Bằng*
- * Quyển « Thi-văn bình chú » (II) *Nguyễn-văn-Tổ*
- * Hội đền Hùng *Nguyễn-văn-Bích*
- * Cách ứng-dụng cái phương-pháp kia (III) *Nguyễn-trọng-Thuyết*
- * Phòng triển-lãm của Hội Việt-Nam
mỹ-ngệ *Nguyễn-văn-Tị*
- * Thanh-danh-viên Hán-lâm Pháp *Nguyễn-dan-Tâm*
- * Vấn-đề bình-luận *Nguyễn-dinh-Thi*
- * Những ông nghề triển Lã (L) *Ứng-Hòa*
- * Tra nghĩa chữ nho (XXIX) *Nguyễn-văn-Tổ*
- * Vấn-đề dịch sách (III) *Đỗ Thúc*
- * Tống-Phúc Đạm *Nguyễn Triệu*
- * Vấn-đề quốc-văn *Ứng-Trình*
- * Đêm hội Long-tri (Tiền thuyết, XIII) *Nguyễn-huy-Tướng*

Góp chút kiến-giải vào từ-ngữ học

PHẢI LÀM CÁCH NÀO CHO TIẾNG TA ĐƯỢC PHONG-PHÚ VÀ THUẦN TÚY ?

HOA - BĂNG

TIẾNG nam hiện nay đang lúc ò-ạt tiến-triển, như luồng nước đang chảy mạnh, gập dàu xô đẩy. Văn biết bây giờ chưa thể lấy lực-lượng một người hay một đoàn-thể mà đương đầu với cái sức xung-kích ấy của nước được.

Nhưng muốn cho nó thuần chiều, xuôi lối, ta cũng nên cùng nhau dẫn đạo nó cho phải đường để tránh cái nạn quýt dọc, vụng ngang, tung-tóe, lộn-lộn, làm trái cái tính tự-nhiên của nó và khó cho những người đi tới sau này.

Gần đây, tôi thấy có một số nhà văn, khi cầm bút viết văn xuôi, thường hay đảo ngược những tiếng kép trong một trường-hợp không cần :

Tiếng tăm đảo lại làm *tấm tiếng* ;
Tối tăm đảo lại làm *tấm tối* ;
Nghĩa hiệp đảo lại làm *hiệp nghĩa* . .

Tại sao có sự cầu kỳ ấy ? Có lẽ người viết tưởng làm như vậy là mình đã đi được đến một chỗ mới mẻ, khác người ?

Tưởng vậy là lầm. Vì lối khiên-cưỡng ấy, người ta đã làm trái ngược mất cái tự nhiên của tiếng nam và tiếng hán-việt.

Văn ta bây giờ, vì dựa theo văn pháp, rất được lượng thứ trong trường-hợp này : khi viết thơ, ca hoặc bài đàn ghép vào âm-nhạc, tác-giả nó được phép đảo ngược một vài tiếng kép trong bài văn để cho hợp với âm điệu của văn vần

hoặc thể-cách tiết tấu của nhạc-chương, khiến khi đọc lên, miệng thuận, tai êm, không giảm mất giá-trị về mặt nhạc điệu.

Văn xuôi không nên rộng hưởng cái đặc cách « đảo ngược » ấy.

Trong tiếng nam, phạm những tiếng kép nào — không cứ là danh-từ, hình dung-từ, trạng-từ hay động-từ — hễ thấy khi nó đứng tách làm tiếng một mà vẫn có nghĩa thì dù viết văn xuôi, cũng rất có thể đảo lên lộn xuống trong khi khu khiến sử-dụng. Nhưng nếu nó là những « tiếng đệm » mà chữ đứng sau đó chỉ là một tiếng giống loại tiếp-vĩ ngữ (suffixe) của văn tây thì không nên đảo ngược lại, vì người ta không nói *đêm tối canh* « *tăm* », hay là *nổi tiếng lừng* « *tăm* » bao giờ. Vậy dựa vào cái nguyên tắc ấy, ta thấy chữ « *tăm* » trong những tiếng *tối-tăm* và *tiếng-tăm* chỉ là một chữ dính sau và phụ theo cũng như những chữ *sẽ* trong tiếng *sạch-sẽ*, *lụng* trong *làm-lụng*, *lách* trong *viết-lách* mà thôi.

Nếu cứ cố ý đảo ngược những tiếng *tối tăm* làm *tấm-tối*, *tiếng-tăm* làm *tấm-tiếng*, thì người ta cũng có thể đảo *sạch-sẽ* làm *sẽ-sạch*, *làm-lụng* làm *lụng-làm* và *viết-lách* làm *lách-viết* ư ?

Còn hai chữ « *nghĩa - hiệp* » nguyên là một tiếng hán-việt, nó đã quen dùng và phổ thông cũng như *anh-hùng* và *hào-hiệp* đã được quen dùng và phổ thông lắm

rồi. Vậy trong khi viết văn xuôi, không bị bó-buộc như văn vần, sao người ta cũng cầu kỳ mà đảo ngược lại ? Đảo ngược lại là « *hiệp nghĩa* », thật ra, chẳng được lợi gì, mà trái lại, chỉ có cái hại là : làm lộn-xộn cái luật tự-nhiên của tiếng hán-việt ! Vì viết là *hiệp nghĩa*, thì khác-nào như nói *hùng anh*, *hiệp hào*, chẳng còn đếm xỉa đến quy-luật dùng chữ, luyện chữ gì cả. Thế thì sao gọi là làm văn nữa ?

Một bạn thân của tôi cố ôm cái chủ trương này : Không muốn cho việt-ngữ trộn lẫn những tiếng lai như « *xà-lách*, *sâm-banh*, *giày giôn*, cái *tách* chẳng hạn.

Tôi lại nghĩ khác : Nếu tiếng lai nào đã việt-hóa một cách gọn-gàng thì ta cũng nên dùng cho rộng tiếng và được việc, miễn ta biết lựa-lọc và sử-dụng cho khôn-khéo,

Bạn tôi có ý trông xa về sau muốn cho tương-lai của việt-ngữ sẽ đi đến bước cực kỳ thuần-túy. Cái chủ-trương đó không phải không cao. Nhưng thiết tưởng Việt-ngữ ngày nay đương như một nhà mới làm đồn-diễn phải cần có nhiều lương-thực. Cừ tra lóc, cừ cấy ba gang cho đủ ăn trước đã, rồi sẽ nói đến chuyện gặt gieo cánh và tám thơm sau. Tôi nói thế là đã ngụ ý : đồng thời ta phải nhổ cỏ lùng cho lúa lên rồi.

Tôi có hỏi lại bạn: « Không muốn kêu thứ rau riếp của tây là *xà-lách*, thế bạn muốn người ta kêu nó là gì » ?

Bạn tôi mạnh bạo đáp: « Gọi là *rau riếp trắng*. »

Tôi không đồng ý.

Theo ý tôi thì đương buổi năm châu chung chợ, bốn biên liền nhà này, sự trao đổi văn-hóa là một món rất cần không thể thiếu được. Một khi vì quân-sự, vì buôn bán, vì ngoại-giao, vì tôn giáo... một nước đã tiếp-xúc với nhiều nước ngoài, thế nào cũng phải có sự « nhập cảng » món ngôn-ngữ ngoại lai. Chính lịch-sử từ-ngữ của Pháp, của Nhật đã làm chứng cho cái công-luật ấy.

Tiếng pháp, ngoài phần thấu-thái của La-tanh, Hy-lạp, còn nhặt lượm cả nhiều tiếng của Anh.

Tiếng nhật, chẳng những trộn lẫn nhiều tiếng hán-âm, ngô-âm, mà lại nhật-hóa cả nhiều tiếng âu-tây nữa.

Tiếng nam chúng chạ với tiếng pháp hàng ngót thế-kỷ nay, lẽ tất nhiên có nhiều tiếng pháp lẫn vào và đã việt-hóa.

« Xà-lách » là một thứ rau sống, lá hơi tròn, sắc nhạt xanh, phớt trắng, từng tàu úp xát với nhau như kiểu kết bẹ của cây cải bắp, ròn và ngon hơn rau riếp là thứ rau sống cố-hữu của ta: tàu dài, lá xanh đậm. Khi ta đến các hàng rau, hỏi mua thứ « xà-lách » kia thì ai cũng hiểu ngay hơn kiểu kêu là « rau riếp trắng » như ông bạn tôi đã quá nghiêm-khắc.

Chỉ vì chỗ dị đồng về từ ngữ ấy, chúng tôi mỗi khi gặp nhau, thường hay tranh luận. Rút cục, bạn tôi cũng như tôi, không ai chịu thừa nhận những kiến-giải của ai cả.

Chẳng dè, có một lần, bạn tôi, vì đau, phải vào nằm nhà-thương; tôi liền đùa:

— Tại anh không chịu thừa nhận những tiếng lai trong từ-ngữ, nên người ta muốn cho anh vào nhà-thương để phải nhận thêm một tiếng « ma-lách » nữa.

« Ma-lách » ? Tiếng này, khi việt-hóa, tuy không hay bằng tiếng « xà-lách », nhưng không phải không dùng được trong những trường-hợp đặc-biệt như: hoặc viết phóng-sự về nhà thương, hoặc tả ngữ-khí của người gác trong bệnh-viện ở một thiên tiểu-thuyết nào đó. Như thế nó cũng được việc, miễn ta phải biết khéo dùng. Vì một khi dùng đến tiếng « ma-lách » ấy thì người đọc có một cảm-giác biết ngay đó là người ốm nằm ở nhà-thương công-cộng, rất dễ phân-biệt với hạng bệnh-nhân nằm ở nhà riêng.

Dẫu vậy, trong văn-chương, ta cũng cần phải dè-dặt, chỉ nên dùng những tiếng lai nào thuần-nhĩ, chứ đừng lạm-dụng, quá tham đến nỗi làm cho việt-ngữ không thuần túy.

Cùng trong số báo này, chúng tôi đang cả bức thư của cụ Ung-Trinh đề thêm một luận điệu về vấn đề quốc-văn (xin coi ở trang 20-21). Tự-trung tôi có dị đồng với cụ Ung-Trinh ở một vài điểm, vậy xin mạo muội bày tỏ ra đây để thỉnh giáo cùng cụ và chất-chính cùng các bậc cao minh trong nước:

Trong thư cụ nói về tiếng « cho nên » mà chỉ viết là « nên » thì thiếu chữ « cho ».

Xin thưa: những tiếng như « nên chi » hay « cho nên » mà bây giờ thường viết gọn là « nên » ấy thật

đã dùng quen lắm rồi, ai cũng có thể hiểu được.

Hện nay, những ngòi bút mạnh-bạo còn hay bỏ bớt chữ « là » trong tiếng « nghĩa là » hay « nhất là » nữa. Ban đầu tuy thấy hơi ngượng và hình như thiếu-thiếu, nhưng dùng lâu thành quen, chung sẽ chung một cái luật như:

Tức là, có thể bỏ bớt « là » mà viết gọn là « *tức* »; *Miền là*, có thể bỏ bớt « là » mà viết gọn là « *miền* ».

Xin cử vài câu làm lệ:

1) Thành Thang - long, *tức* Hà-nội ngày nay, có nhiều dấu - vết quan-hệ đến lịch-sử.

2) Đối với các tài-liệu trong sử cũ sách xưa, ta phải nhặt rọng tìm nhiều *miền* ta phải biết lựa chọn mà dùng thì mới được việc.

Như vậy, dù không viết « *tức là* » hay « *miền là* » đi nữa, câu văn vẫn sang-sửa thể hiệu. Thế thì khi thấy bỏ chữ « là » cũng không nên cho là thiếu được.

Rồi đây, những tiếng như « nhất là » và « nghĩa là » mà chỉ viết gọn là « nhất » là « nghĩa » cũng sẽ có thể được nhìn nhận theo cái lệ đã nói trên đó.

Hai tiếng « cho nên » mà rút gọn là « nên » ấy, tôi thấy bây giờ đã thông dụng lắm rồi. Vậy thiết tưởng không nên theo nghiêm-cách mà kể là thiếu nữa.

Còn mấy tiếng « sông Ngân-hà » mà cụ Ung-Trinh cho là thừa chữ « hà »: tôi rất đồng ý. Nhưng tùy từng trường-hợp, ta cũng nên rọng dung mà dùng câu-thức quá. Vì tiếng ta là thứ tiếng đơn âm giống Tàu ở chỗ âm-diệu và lẽ bằng trắc, lại giống Pháp ở chỗ đặt chữ trong một câu.

(Xem tiếp trang 23)

QUYỂN THI-VĂN BÌNH-CHÚ

Số 2

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

II.— Nguyễn-công-Trứ

Bài nói về cụ Nguyễn-công-Trứ cũng nhầm nhiều lắm. Ngay trang đầu ông Ngô Tất-Tố chép cụ « sinh năm Mậu-tuất tức là năm thứ 26 hiệu Cảnh-hưng nhà Lê ». Năm mậu-tuất 1778 thì đúng, hiệu Cảnh-hưng thứ 26 thì sai, vì năm mậu-tuất chính là năm 39 hiệu Cảnh-hưng (1778), mà năm 26 là năm ất-dậu 1765.

Đến hành-trạng của cụ, nhầm sót những chỗ nào, tôi đã dịch một bài ở dưới này, đề ai muốn khảo cứu về danh-nhân nước ta được thêm một ít tài-liệu chắc-chắn.

Vấn thơ của cụ, ông Ngô Tất-Tố chép cũng sai: như bài *Hàn nho phú* có câu « Ngày ba bữa vỗ bụng rau bình-bịch » đối với « Đêm năm canh yên giấc ngáy o-o », ông Ngô Tất-Tố chép là « Ngày ba bữa vỗ », thì cổ đối với *yên* làm sao được? Ông chép « Miếng trâu tằm vỗ mạn vỗ đa »: chữ *đa* có lẽ nhầm, chính là chữ *dà* mới phải, vì vỗ *dà* là vỗ một loài cây màu đỏ dùng để nhuộm, cũng có nơi dùng để an trâu. Còn nhiều chữ nữa cũng sai như thế, tôi sẽ đăng dần vào mục *Tài liệu để đính-chính những bài văn cổ*.

Đến chỗ chú-dẫn, tôi lấy chữ đầu là chữ « lục-cực », theo bộ *Ngũ Kinh tường thuyết* (quyển 2, tờ 39 a) và bộ *Khâm định thư-kinh vịnh toán* (quyển 1, tờ 35 b) giảng nghĩa như sau đây, đề độc-giả biết chỗ nhầm chỗ thiếu của ông Ngô Tất-Tố. Lục cực là sau điều rất xấu: một là

chết phi mạng hoặc chết non (ông Ngô Tất-Tố chỉ nói là chết non thì thiếu nghĩa); hai là tật, nghĩa là nhiều bệnh (ông Ngô Tất-Tố dịch là cổ-tật thì sai nghĩa); ba là lo buồn (không phải lo-lắng); bốn là nghèo; năm là ác, nghĩa là mặt-mũi xấu-xí hoặc tính-nết hung-hăng (ông Ngô Tất-Tố chỉ nói là ác thì thiếu nghĩa); sáu là yếu-đuối.

Cứ kể còn nhiều chữ phải cắt nghĩa lại, nhưng kỳ này, tôi đề dành chỗ để đăng tiểu sử cụ Ng. công Trứ. Nhân thế tôi nhắc lại rằng tài liệu về văn-học-sử của ta, phần nhiều còn ở sách nho sách nôm, phận-sự người khảo cứu là lấy ở đấy ra mà dịch cho đúng, thì mới dẫn chứng được đích xác. Nay tôi lấy bộ *Đại Nam chính biên liệt-truyện* (nhị tập, quyển 20, tờ 6 b-11 b) để góp thêm một phần tài liệu, tức như người Pháp gọi

là thêm một viên gạch vào việc xây đài kỷ công các bậc văn học nước nhà.

« Nguyễn công - Trứ, người huyện Nghi-xuân, tỉnh Hà-tĩnh. Lúc nhỏ là người thẳng-thích (hiền-ngang) có khí-tiết. Năm thứ hai hiệu Gia-long (1803) vua Bắc tuần, ông do địa-vị áo vải (chưa thi và chưa làm quan) đến hành-doanh dâng mưu-kế. Năm thứ 18 (1819) thi hương đỗ giải-nguyên. Đầu niên-hiệu Minh-mạnh (1820) sung chức biên-tu Sử-quán. Năm thứ tư (1823) bổ tri-huyện Mỹ-hào, dần dần thăng chức tham-biệp Thanh-hóa, vì có tang cha, nghỉ chức quan. Vua Minh-mạnh nghĩ ông là người thanh-liêm giản-dị, sai đem cho một trăm lạng bạc. Khi hết tang, được bổ tham-tán quân-vụ ở Bắc-thành, rồi thăng thị-lang bộ Hình, quyền coi việc hình ở Bắc-thành. Năm thứ tám

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỀN

Những thành-ngữ và từ ngữ của ta trong các thơ văn xếp đặt lại thành một pho từ điển, rất tiện cho sự tra cứu trong khi đọc sách và nhất là cho các học-sinh học khoa quốc-văn trong các trường.

của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH

Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC

Sách khổ rộng 16 x 25 ngót 400 trang

Giá bán lẻ 5\$00

Vì nào gửi liền đặt mua trước ngày 1er Mai 1943, xin miễn 10% cước phí không phải chịu.

Những giáo-sư các trường công tư, đặt liền mua trước từ 10 quyển trở lên xin miễn 20% cước phí không phải chịu.

Thư và ngân phiếu xin gửi và đề rõ:

Ô. Quảng-vạn-Thành { 16, Phố Lê Lợi — HANOI
51, Doumer — HAIPHONG

(1827) vua ban chiếu cùng với Tiên-quân thống quân là Phạm-văn-Lý, họp quân tiến đánh giặc cỏ ở Nam-định là Phan-bá-Vành. Trước kia giặc chiến cứ bãi bể, cày hiến, họp tập thành đảng. Ông Nguyễn-công-Trứ bày mưu, đánh luôm, phá được. Vua bảo : « Nguyễn-công-Trứ là người gặp việc gì cũng nhận được đích-xác : thực không xấu-hỗ với công việc Trẫm đã giao » Phan-bá-Vành bị bắt, vua xuống chiếu khen thưởng ban cho một cái núi con bằng ngọc trắng, một con ngựa bằng mã-não và một cái khánh vàng, rồi vời về triều.

« Trong niên hiệu Minh-mạnh do chức Hình bộ tả thị lang lĩnh chức Doanh điền sứ tỉnh Nam định. Trước kia, ông Nguyễn công Trứ dâng thư điều trần ba việc : một là nghiêm luật-pháp đề tuyệt đảng giặc ; hai là phân minh việc thưởng phạt đề khuyến quan lại ; ba là khai khẩn ruộng hoang đề dân nghèo có nghề nghiệp. Vua giao đình thần bàn xem có nên thi hành không, rồi sai Nguyễn công Trứ sung chức Doanh-điền-sứ. Khi vào bộ kiến đề cáo từ vua Minh-mạnh dụ rằng : « Các hạt Bắc thành đã dần yên, nên đưa dân đi làm ruộng. Phàm việc gì có thể vì trăm họ, hưng lợi trừ hại, cho tùy tiện thi-hành ». Ông Nguyễn công Trứ điều trần những công việc định làm, xin lấy số dân mộ được đi khai ruộng, chia ra từng ấp, lý, trại, giáp.

« Khi đến nơi, ông Nguyễn-công-trứ bắt đầu cho đi đạc một giải đất ở Tiên-châu, thuộc phủ Kiến-xương, tỉnh Nam-định, quân-cấp cho cùng dân, tất cả được 14 lý,

27 ấp, 20 trại, 10 giáp, đình thì hơn 2.350 người, ruộng thì hơn 18.970 mẫu, xin lập làm một huyện, gọi tên là huyện Tiên-hải. Rồi lại khai-khẩn làng Ninh-cương và làng Hải-cát được 4 lý, 4 ấp, 1 trại, lập làm một tổng thuộc huyện Nam-chân. Khai-khẩn ở tổng Hoàn-nha được 5 ấp, 2 trại, 3 giáp, cũng lập làm một tổng, thuộc huyện Dao-thủy. Còn nhà cửa, trâu cày và đồ làm ruộng, liệu lượng trích tiền kho cấp cho. Lại xin cho đất ven bể ở ngoài núi Hồng-lĩnh, thuộc phủ Yên-khánh, tỉnh Ninh bình, đo tất cả, rồi chia cho dân khai khẩn, được 3 lý, 22 ấp ; 24 trại 4 giáp, hơn 1260 người, ruộng hơn 14.600 mẫu lập thành một huyện, gọi là huyện Kim sơn ấp cho đồ dùng theo như lệ ở huyện Tiên hải. Chỗ nào đã thành ruộng bắt đầu nộp thuế, từ năm ấy ; còn bao nhiêu, đợi ba năm sẽ nộp thuế. Vua đều chuẩn lời tâu.

« Ông Nguyễn-công-Trứ lại nói hai huyện mới lập và các lang ấp, đều là tụ họp những dân lưu-di, chưa có tình liên-thuộc, xin định ra qui-ước : một là đặt học-điền (thực-xá điền), hai là đặt kho hàng và

(vã-thương), ba là cần việc dạy-dỗ, bốn là nghiêm việc cãm-phòng, năm là gắng sức khuyến-răn. Triều-đình cho là chưa nên làm vội, bèn thôi.

Tháng tư năm Minh-mạnh thứ mười (1829), ông Nguyễn-công Trứ vào Kinh phục mạng. Nam thứ mười-một (1830) thăng thự Hữu-tham-tri bộ Công. quyền coi ấn triện bộ Hình, rồi phải thiên vuống Hữu-thị-lang, sung làm việc Nội-cáo, lại bị lỗi giáng bổ Kinh-huyện, liên thăng Lang trung Nội vụ. Nam thứ 13 (1832) thăng thự bố-chính Hải-dương. Vua lại cho 200 lạng bạc, tỏ ý khuyến khích về việc liêm tiết, liên thăng tuần phủ, quyền tổng-đốc quan phòng Hải an. Địa-hạt thuộc quyền ông, có bốn giặc, ông liền đem quân đi bắt, trong cõi được yên. Ông lại lưu ý đến việc đồn-diễn, nghiêm cãm giặc bể, thường làm sớ tâu xin thi hành ».

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN TỶ

Sách mới

Chúng tôi mới nhận được :

1-) **NHÂN LOẠI TÊN HOA SỬ** do NGUYỄN BÁCH KHOA biên khảo, Hàn Thuyết xuất bản. Đây là một kho tài liệu quý giá Sách in cỡ nhỏ, dày 208 trang, giá 1 \$ 80.

2-) **CHU MẠNH TRINH** của TRÚC KHÊ và TIÊN ĐÀM do Cộng Lực xuất bản. Đây là một quyển sách quý cho những ai muốn khảo rõ thân thế nhà văn hào cự phách về cuối thế kỷ thứ 19, đã làm vẻ vang cho nền văn học nước nhà. Sách dày 100 trang, giá 1 \$ 00.

3-) **TUỔI THƠ NGÀY** (sách hoa Mai số 27) của NGUYỄN NGỌC cũng do Cộng Lực xuất bản. Bìa đẹp, giá 0 \$ 15.

4-) **VỆ SINH** (bộ sách thường thi số III) của bác sĩ TRỊNH V. TUẤT soạn, do hội Truyền bá quốc ngữ xuất bản, giá 0 \$ 20.

Xin thành thực cảm ơn các nhà tặng sách và giới thiệu cùng bạn đọc.

T. T.

Đã có bán

THI-HÀO

TAGORE

Một công trình khảo cứu rất giá trị của ông Nguyễn-văn-Hai. Bìa do họa sĩ Nguyễn-văn-Mười trình bày. Bạt của thi sĩ Nguyễn-thiên-Thu. Sách 400 trang in trên giấy bản dày. Giá 4\$80 Nhà xuất bản TÂN VIỆT đã dọn lại

29, LAMBLÔT — Hanoi

Tùy hứng**HỘI DIỄN HÙNG**

Tháng ba giỗ tổ mừng mười,
 Bắc, Nam, con cháu trông vời Hùng-Thao...
 Hai mươi thế-kỷ đầu lịch-sử,
 Họ Hồng-bàng truyền giữ nghiệp vua,
 Mở mang xây dựng cơ-đồ,
 Hồ-tôn tới Động-dinh hồ bao la...
 Kinh-dương-vương sinh ra Sùng-Lãm,
 Cho cháu Rừng kết bạn con Tiên.
 Trăm trai sinh hạ liền liền,
 Người nơi Bắc lĩnh, kẻ miền Nam dưng.
 Mười tám vị Hùng-vương dựng nghiệp :
 Đất Văn lang kế tiếp xưng hùng,
 Vui thay sông Nhị núi Nàng,
 Lạc hầu, Lạc-tướng nước lòng cần-vương.
 Gái, tằm tang, Mỵ-nương kiều-diễm ;
 Trai, Quan-lang, cung kiếm tập rèn.
 Uy-quyền con nối, cha truyền,
 Dạy dân chài lưới, canh điền hôm mai.
 Thời thịnh-trị nơi nơi yên ổn,
 Nước thanh-bình chốn chốn vui tươi...
 Việt-thường đất tổ xa khơi,
 Thương con bạch-trĩ phương trời dăm-dăm...
 Xe Chu-Đán chỉ nam tiền Sứ,...
 Con thần-quy nhớ chủ đau lòng...
 Đời vua thứ sáu họ Hùng,
 Giặc Ân hung-mãnh dùng dùng kéo sang,
 Tham tàn, lấp suối, bạt ngàn,
 Thành nghiêng, đá lở, ngôi tan, bất bình.

Có ngờ đâu Võ-ninh còn thịnh,
 Đồng-thiên-vương bình định như chơi.
 Giặc Ân khiếp tướng nhà trời,
 Sóc-sơn bỏ vía, tôi bời, bỏ gươm. ...
 Li nhớ An-tiêm-vương mắc hại,
 Chịu mệnh vua Nam hải đi đày.
 Minh vàng lao khổ nạn đầy,
 Mà lòng yêu nước càng ngày càng cao...
 Vị tây-quá biết bao người chuộng,
 Đảo Hải-nam đất ruộng phì nhiêu,
 Ngày đi cơ-cực trăm chiều,
 Ngày về xiêm mọng bao nhiêu uy hùng...
 Pho tình-sử Long-cung Thần-lĩnh,
 Ngàn trăm năm chưa định được tướng,
 Vị gì một ả Mị-nương,
 Năm năm nổi hận thịt xương tận tình :
 Sóng gió cả, Thủy-linh dâng nước,
 Những lăm le thắng được linh-thù,
 Nước mây, mây nước mịt mù,
 Sơn-linh sấm sét ầm ầm đánh tan....
 Mười tám đời, hai ngàn năm lẻ,
 Giang-san này ai dễ gây nên?...
 Hỡi ôi! chè rượu yếu hèn,
 Lãng-xao việc nước uy-quyền theo mây !
 Mây sâu mù mịt tỏa đầy
 Thần-dân Nam-việt nhớ ngày giỗ chung.
 Năm năm nhớ hội đền Hùng,
 Nhớ ai sáng tạo muôn trùng nước non...

TRAN-VĂN-BÍCH

Cách ứng dụng cái phương-pháp kia (III)**Cách xưng-hô các Hợp-tố có Ôc-o**

NGUYỄN TRỌNG-THUYẾT

*Các An-hy (sẽ đọc là An-ny)
và các At-xít*

Lệ thứ nhất. — Khi nào Ôc-o hợp với một Nguyên-tố khác chỉ thành ra được một An-hy thôi thì người Pháp đề cái âm *Ique* đằng sau cái tên của cái Nguyên-tố. Tỷ dụ, Ôc-o hợp với Ca-o (Carbone) nếu chỉ thành ra một An-hy thì người Pháp gọi là An-hy Ca-ich (Anhydride carbon-ique).

Theo tiếng an-nam mình thì không cần phải gọi như vậy, cứ đề cái tên của Nguyên tố sau tiếng An-hy là rõ rồi. Vậy nếu Ôc-o hợp với Ca-o thành ra có một An-hy, thì mình sẽ kêu là An-hy Ca o, hay là An-hy Ca (Cái âm O bây giờ như rồi, không cần nhắc đến nữa).

Đặt tên như thế là hợp với phép đặt chữ trong câu an-nam rồi, rõ nghĩa rồi, khi hai danh từ đi liền nhau, theo mẹo an-nam, chữ đầu vẫn là danh-từ (chữ chánh) chữ sau thành ra tính-tư (tiếng phụ nghĩa cho danh-từ).

Nhưng nếu muốn theo sát-xát cách xưng hô của người Pháp, người Âu, hay của Vạn quốc, thì mình cũng có thể kêu An-hy Ca là An-hy Ca-ich, rút lại theo lối nói diu (contraction) thành An-ny kích, viết là An-hy-Cích.

Cách kêu các At-xít cũng thế, tùy theo nó ở An-hy nào mà ra. Tỷ dụ, nó ở An-hy Cích (Anhydride carbonique) mà ra, thì sẽ gọi là:

At-xít Cích (theo tiếng Pháp) hay là:

At-xít Ca (theo cách đặt câu của tiếng ta).

Lệ thứ hai. — Khi nào Ôc-o hợp với một Nguyên tố khác mà thành ra hai thứ An-hy thì thứ nào nhiều Ôc-o hơn, mình sẽ đề âm Ich ở đằng sau tên Nguyên-tố; thứ nào ít Ôc-o mình sẽ đề âm Ơ ở đằng sau tên Nguyên-tố. Tỷ dụ, Ôc-o hợp với Pho-o (phosphore) nếu chỉ thành ra có hai thứ An-hy thì thứ nhiều Ôc-o sẽ kêu là An-hy Pho-ich, rút lại thành An-hy Phich. Thứ ít Ôc-o, sẽ kêu là An-hy Pho-ơ, rút lại thành An-hy Phơ.

Cách xưng hô các At-xít cũng vậy. At-xít nào ở An-hy... ich ra, sẽ kêu là At-xít... ich.

At-xít nào ở An-hy... Ơ ra, sẽ kêu là At-xít... Ơ. Tỷ dụ: At-xít ở An-hy Phich mà ra thì kêu là At-xít Pích.

At-xít ở An-hy Phơ mà ra thì kêu là At-xít Phơ.

Thế, là muốn theo điệu tiếng Pháp, theo lệ của vạn quốc mà xưng-hô. Chớ không ai cấm mình dùng những cái hậu-âm (terminaisons khác, tỷ dụ như âm A, Ô, An, Ôn mình sẽ có những cái tên Hợp-tố như:

hay { An-hy Pha — At-xít Pha
An-hy Phô — At-xít Phô
An-hy Phan — At-xít Phan
An-hy Phôn — At-xít Phôn

Hết âm đơn (voyelles simples) dùng đến âm kép, âm đụp (voyelles composées ou diphtongues et triph-tongues), Hết âm đơn, kép, đụp, dùng đến vần ngược, Hết vần ngược dùng đến dấu giọng, có bao nhiêu An-hy, có bao nhiêu

At-xít mà chẳng có tên đề chỉ chúng! Có phải không dựa vào tiếng pháp thì không viết nổi Hóa học bằng tiếng ta đâu?

Về thời Lã-vân Đề (Lavoisier, theo điệu Mai-nương Lệ-cốt của Nguyễn-văn-Vĩnh) các nhà Hóa-học tưởng rằng Ôc-o hợp với một Nguyên-tố khác chỉ có thể thành ra hai An-hy thôi, nên họ chỉ đặt ra có hai cái lệ đề đặt tên thôi, tưởng thế là đủ.

Không ngờ về sau Hóa-học tấn-đạt, mới biết rằng Ôc-o hợp với một Nguyên-tố có khi thành ra nam mười thứ An-hy, nam mười thứ At-xít. Muốn cho An-hy nào có tên từ thời Lavoisier rồi thì cứ đề nguyên, vì không thể mỗi khi tìm thấy một An-hy nào mới lại đặt tên lại cho tất cả những An-hy đã biết, đã có tên rồi, — các nhà Hóa-học Âu-châu mới bày ra cái lệ thứ ba này:

Lệ thứ ba. — a) Nếu trong một họ (họ Pho-o, họ Ca-ô, họ Su-o, chẳng hạn) mà thấy một At-xít nào ít Ôc-o hơn At-xít đằng sau có âm Ơ, thì sẽ đề thêm cái vận Hy-bô (Hypo) lên trên cái tên của At-xít Ơ.

Tỷ dụ: At-xít Hy-bô Su-ơ (Acide hyposulfureux), nói rút lại thành At-xít Hy-bô Sơ.

Có At-xít Hy-bô Sơ, thì có lẽ có An-hy Hy-bô Sơ (Anhydride Hypo-sulfureux, un anhydride hypo-thétique).

Cái lượng vận Hy-bô nghe nó giống dài; muốn gọn, an-na mình sẽ thay cái đọc vận Hốp chẳng hạn, Làm như vậy, mấy tên trên này nó sẽ thành ra:

At-xít Hốp-Sơ;

An-hy Hốp-Sơ.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG-THUYẾT

PHÒNG TRIỂN-LÃM CỦA HỘI VIỆT-NAM MỸ-NGHỆ

NGUYỄN-VĂN-TY

Trong khi các họa - phẩm đó đang vượt bề sang Đông vì danh dự một nền văn hóa, ta lại được xem phòng Triển-lãm của Hội Việt Nam tại nhà Hát Lớn. Nếu các nghệ-sĩ đã cố công tạo nên những tác phẩm công trình để đem đi nước ngoài thì ở đây, công chúng lại thấy thiếu hẳn tác phẩm về cách bố cục lớn (grande composition) mà họa-sĩ đã dùng một thời-gian làm việc khá lâu. Ở đây mới có thể tìm đúng giá-trị của một chân tài.

Nếu ta chưa thỏa mãn được về sự sáng tác hoàn hảo và công trình, ta cũng không đến nỗi thất vọng về cách tìm tòi trong hội-họa.

Nguyễn cao Thương nhìn vườn hoa, góc phố như một bầu đèn ngũ sắc. Hoa hiện rõ lên như ánh trang. Họa-sĩ mượn cảnh vườn hoa ban ngày để vẽ cảnh hoang-mang trong đêm tối. Ông sẽ tìm ra nhiều cảm giác hay hơn khi đã thoát hẳn cái vỏ âu-tây của Matisse hoặc của Waroquier. Cũng những hình ấy, cũng những sắc ấy, với lòng rung động thực thà, ông sẽ vẽ vang khi tìm ra cảnh riêng biệt của mình.

Họa-sĩ... Phức trong hai bức sơn dầu đã khiến ta chú ý. Cái « đẹp » của ông không làm đẹp mắt, vui nhà, nhưng rất lạ lùng trong điệu «gối của cậu bé li tay vướng bàn. Lùng một quan niệm trong những fan cây quần-quai in hình trên n trời trắng bạch mà hàng cây lại mọc gần một căn nhà nghiêng nghiêng. Tranh ông thiêu màu và nét (facture) nhưng tỏ ra ông biết nhìn với một khiếu riêng.

**Người Đông - Pháp
hãy sản xuất lấy các
thứ mình cần và tiêu
thụ những sản phẩm
của Đông-Pháp.**

Trần văn Cần vẫn mơ-màng cảnh Huế êm-ả : Họa-sĩ hình như thơ thần trong lãng tâm tịch mịch để đợi nghe « một bước đi » của khách hoài-cổ. Dù hội-họa không lẫn với văn-chương, nhưng hai bức Huế của họa-sĩ đã khiến ta cảm thông với một vài ý thuần túy của thơ ca.

Lương xuân Nhị đã tìm màu sáng và tươi hơn. Chỉ tiếc trong những bức mà hình và chất của sơn dầu không được gặp-gỡ để nhường cho nét vẽ tỉ mỉ hầu thành ảo ảo. Họa-sĩ sẽ thành công khi nét bút rộng - rãi, linh - hoạt tự - chủ được điều-hòa với những phẩm và lượng mà họa-sĩ đã có sẵn từ lâu.

Lưu văn-Sin ít ỏi quá. Đây là con đường đỏ của Bản-cảng, màu lam núi trước nền trời chiều khi trước ? Không phải ta muốn họa-sĩ cho xem lại tranh cũ nhưng công chúng cần cái phẩm của những bức mới phải hơn thế nữa.

Đi xa hơn cả vẫn là Tô ngọc-Vân. Ông tới trình độ sơn dầu mà ít nghệ-sĩ Việt-Nam nào sánh kịp và đã đi trước cả cái thẩm mỹ quan của công chúng. Nhưng không sao ! Nghệ-sĩ đã rung động cả nét bút của các bạn xung quanh với một điệu khoan thai, óng ả của mình. Một nghệ-thuật khác lạ như thế hiển công chúng một vẻ đẹp không phải chỉ lấy có Tự-nhiên (la Nature) làm cứu cánh. Phải thêm vào cái thật của mắt mình nhận xét, một khối óc hay một chút ánh sáng của tài-năng...

Họa-sĩ đã hiểu cái uyển chuyển của « Nghệ-thuật » vì nghệ-thuật là một giọng sông không bến. Người ta chỉ có thể đến một đích nào đó, ngừng lại ngắm khúc sông đã qua để lại tiến lên chuyển nữa.

MÙA THI ĐÃ TỚI

* *Bạn nào có con em thi SƠ-HỌC YẾU-LUỘC
thì nên cho dùng :*

Tập bài thi bằng Sơ-học yếu-luộc
hai ông Dương-quảng-Hàm và Dương-tự-Quán
in lại lần thứ 8 — Giá 0\$75 — Cước 0\$20.

Bạn nào có con em thi Certificat thì cho dùng :

Cent Rédactions corrigées
hai ông Trần-huy-Cơ và Nguyễn-huy-Hoàng.
in lại lần thứ 2 — Giá 0\$85 — Cước 0\$20.

Recueil de Dictées
Dương-q-Hàm, in lần thứ 3, giá 1\$20, cước 0\$30.

Đề cho hiệu sách ĐÔNG-TÂY,
195 Hàng Bông — HANOI

Họa-sĩ trước hết tìm cho mình những cảnh vật khác nhau để tràn lan sự rung-động riêng qua cảm-giác của người xung-quanh. Họ phụng-thờ nghệ đến nỗi không bao giờ dừng chân trên con đường tiến và không bao giờ tự hào rằng đã đến nơi. Khi mỗi thể lệ biến đổi, mỗi ảnh-hưởng của vũ-trụ tràn tới, họ đã chờ sẵn để thâu nhận rồi suy lý và tả ra bằng nét, bằng màu.

Riêng một nghệ-thuật ít được người mình chú ý: tranh in do họa-sĩ khắc lấy. Tranh in cần cho mỹ-thuật đến nỗi trong các phần thưởng La-mã (prix de Rome) ở Pháp phải có một phần riêng về ban khắc (gravure) cũng như về hội-họa, điêu-khắc, kiến-trúc và âm nhạc. Nghệ-sĩ chuyên môn về ban ấy vẫn được công chúng lưu ý đặc biệt. Về thế-kỷ thứ mười tám, mười chín, Hirosigé, Utamaro, Hokusai đã chẳng làm cho Tây-phương đề ý đến mỹ-thuật Nhật-bản bằng tranh in đỏ ư?

Ở phòng Triển - lãm, ngoài một bản gỗ của họa-sĩ Trần Đình Thọ, ta không kiếm thêm được bức nào nữa. Thực đáng tiếc.

Một nghiêng bút, cạnh một thiếu-nữ dưới dạng cây, một cảnh êm như ru tả đủ trong bức lụa của Phạm văn Đồn, họa-sĩ khéo đất

Điều luật cốt yếu và duy nhất của Liên-Phủ là làm việc công ích.

màu ngà phản ánh một chiều thu
man-mac.

Huỳnh văn Thuận (bức vẽ phác cảnh Du-lịch) đặt màu xanh, uang, dễ-dàng trong một bầu không-khí trong mát ngày hè.

Vau-Giáo sẽ gắng công suy-nghĩ đề « dầy » nhưng trau của họa-sỹ lên chút nữa. Một cái cột đen lênh-khênh với những giây dện ngang dọc trên mặt ngược cung không qua được mắt họa-sĩ ưa cảnh thực.

Ta không quên một bức lụa của cô Nguyễn thị Kim với một vẻ khả ái riêng. Nhưng sao cô không bày mấy tác-phẩm về điêu-khắc, môn học mà cô đang theo-đuổi?

Nguyễn Huyền mà ta được biết từ lâu vẫn thiết tha yêu những khối, những bắp thịt nở tròn như Rubens hay Delacroix. Muốn xem màu của họa-sĩ nên chờ đến phòng triển-lãm riêng thì hơn.

Trịnh Văn say-mê cảnh Lai-châu với mấy cô Thái ngầy ngò cũng như Nguyễn Khang đã vẽ rất tinh-vi những quần áo, đồ dùng của người Mường trong một cảnh

qua suối. Sơn ta của Nguyễn
khang riêng biệt vì bộ cục gian-
đi trong khi Mạnh-Quỳnh hết sức
chăm-cuù để làm nổi một drama
rước su-tử ban đêm...

Cộng-chúng không bao lâu sẽ được xem cuộc trưng bày của hội khai-tí, của Hợp-lạc-xa Mỹ-thuật Đông-dương và rồi của trường Mỹ thuật nữa.

Đang khen thay lòng dũng cảm của các họa-sĩ van chong đồ, được với bao nhiêu khó-khau thiêu-thôn hiện thời để giúp một phần vào nền văn-hóa Việt Nam hiện đại.

NGUYỄN VĂN TỶ

Tissus locaux

ETABLISSEMENT CAO-DOT

Chuyến bán buôn và nhận đặt khoản các thư hàng nội hóa như :

Douppion, Shan-tung, Faux,
shangtung, Lin, Faux tropical-
Tussor, lussor demi soie,
Toile de soie, de rayonne,
Toile tailleur, bao tai dung
== ngô, gạo, vắn vắn.

Nơi giao dịch :

Thư bảo đảm và bưu phiếu
xin gửi về cho M. DÙ THO LẠU:

12 Rue Strasbourg

HAIPHONG

**Muốn lấy mẫu, xin gửi 0 \$ 50
bằng timbre để làm cước phí.**

MUỐN HIỀU ĐẾN NƠI ĐẾN CHỖN

MỘT DANH-TỪ, MỘT THÀNH-NGŨ, MỘT MÔN-HỌC THUẬT

Các bạn cần phải đọc tập tài-liệu

BÁCH KHOA ĐẠI-TỪ-ĐIỂN

của Quốc-Học Thư-Xã

Đón coi tập : SỬ-HỌC của c. Lai-Bộ PHẠM-QUỲNH

Trên đài văn-học Thế-giới

THANH - DANH CỦA HÀN - LÂM VIỆN PHÁP

Tri-Tân số 72, ra ngày 11 Novembre 1942, đã có bài của Phạm-mạnh-Phan nói về ban Văn học hội Khai trí Tiến-de và nhắc qua lời của quan nguyên Tổng-trưởng bộ Thuộc-địa Paul-Reynaud đã vi hội Khai-trí Tiến-de với Hàn-lâm viện bên Pháp.

Vậy lai lịch của Hàn-lâm viện Pháp ra sao, xin thuật lại dưới đây cùng bạn đọc để được rõ cái vinh-quang và sự thăng-trầm của một hội học lớn thành-lập đã hơn ba trăm năm nay.

NGUYỄN ĐAN-TÂM

Sự sáng lập, sự tổ chức và công việc của Viện

Giáo-chủ RICHELIEU đề ý đến hội học của Conrart. — Hồng-y giáo-chủ Richelieu thường hay ham mê công-việc, thích sự tổ-chức, năm 1629, đã công-nhiên đứng bảo-lỡ cho một hội văn thường họp ở phố Saint-Martin, tại nhà Valentin-Conrart, là một nhà bác-học trừu-danh và giàu có, làm cố-vấn và bí-thư cho Hoàng-thượng.

Trong hội bước đầu có độ ba chục người, ta thấy những ông Godeau, Serizay, Desmarets, Bois-Robert, Colletet, Racan; sau dần thêm những ông Chapelain, Balzac, Voiture, Vaugelas; hầu hết những một quen hay những chân cũ trong điện Rambouillet mà họ đã làm nức tiếng tâm đề tôn giá-trị mình bằng tính-cách trang-trọng mạnh-mẽ trong văn-phẩm của họ: phê-bình những bản-thảo chưa xuất-bản, thảo-luận về văn-chương, chất nghị về văn-phạm, văn vân...

Nhưng họ thoải-thác hoài trước sự ửng ngẩn. Mãi đến Janvier 1635 những điều-lệ mới của hội được giáo-chủ Richelieu chuẩn-và những công-thư (lettres ententes) thì do quan Chưởng-ấn Guier niếm cần.

Giáo-chủ tổ-chức công việc

hội ra sao. — Một viên Viện-trưởng và một viên Chưởng-ấn thì cứ hai tháng gặp thăm bầu một lần: lần đầu Serizay và Desmarets trúng-cử, một viên bí-thư vĩnh-viễn được bầu là ông Conrart; cái danh-hiệu được chọn là « Pháp - quốc Hàn-lâm viện »; số hội-viên tăng lên 40 người. Còn nơi hội họp thường thay đổi luôn; mãi tới năm 1672, sau Giáo-chủ Richelieu và Séguier. Hoàng đế Louis thập-tứ lên thay quyền bảo-trợ, có dành riêng cho một chỗ công-đường trong điện Louvre, ban tặng một thư-viện và tư-cấp cho một ngân-số.

Hội Cách-mệnh chính-phủ và Đế-Quốc Chính-thê cũng không làm xuy-chuyển đi chút nào. Đến năm 1806, cả toà phải thiên-di qua bờ sông Seine là sáp-nhập vào điện Mazarin, cùng với Quốc-gia Học-viện Pháp, và lấy nơi giáo đường làm Hội-nghị.

Những công-trình của viện. — Từ lúc thành-lập, các nhân-viên trong viện thường hội-hợp vào ngày thứ hai, và dần dà nghĩ đến sự ấn-định chương-trình và thời giờ làm việc. Đầu tiên toàn viện đồng ý mở những cuộc diễn-thuyết: Racan phản-đối khoa-học, Chapelain công-kích ái-tình. Nhưng công việc vẫn chưa vào đầu cả. Hội quay ra đàm nhận cái trọng-trách lập một tòa án để xét xử

những tác phẩm văn-chương: tập tiểu-chú và phê-bình tuồng « Hiệp-Sĩ » (Le Cid) ra đời, khắp trong Triều và kinh thành không một ai hoan-hò, thành thử hội không dám nghĩ đến điều « tái phạm » nữa.

Cuốn Tự-diễn. — Lâu dần hội nhận-chân thấy chức-vụ mình: là đem thí khảo những bút-ký của những hội-viên để tìm những luật-định và khuôn-mẫu cho ngôn-ngữ và văn-tự được tao-nhã. Sau cùng Chapelain nghĩ ra một công-trình mà cả 40 người cùng có thể hợp-tác để chải chuốt, diêm tô cho ngôn ngữ là cuốn Tự-diễn. Ông thiết-lập chương-trình và mọi người bắt đầu làm việc dưới quyền giám-đốc của Vaugelas, một học-giả nổi danh về văn-phạm đã được mọi người kính-phục.

Thực là một việc kéo dài hàng năm, đủ sức cho 40 ông hội-viên trở tài, hay ít ra cũng là một nguồn gốc không bao giờ cạn cho các ông quan-sát, thảo-luận và quyết-định. Chính sự phát triển của ngôn-ngữ này nhờ ở sự san-hành lần lượt những tập tự-vị, từ tập đầu xuất bản năm 1694 đến tập thứ tám, hiện nay vẫn còn ấn thành.

Bản chương-trình của Fénélon. — Hồi ấy toàn viện khi hiệu-chính lại tập tự-vị ra năm 1694 và sửa soạn tập 1718, có tự hời

và trung cầu ý-kiến từng hội-viên một xem rồi sau nên làm những gì. Fénelon trả lời trong « lá thư cho viện Hàn-lâm », có dự-định một chương trình thêm vào việc làm Từ-diễn là sẽ soạn một cuốn Van-phạm, một cuốn Tu-từ học, một cuốn thi-ca, và những tập khai-luận về bi-kịch, bài-kịch và lịch-sử. Điều dự-định ấy không có kết-quả. Chỉ riêng một cuốn « van-phạm của Hàn-lâm viện » (Grammaire de l'Académie) được ra đời, nhưng phải chờ mãi đến năm 1932. Và người ta lại quay vào soạn bộ Từ-diễn.

Các cuộc thi và giải-thưởng của Viện. — Ngoài việc cốt yếu làm Từ-diễn, viện Hàn-lâm đến năm thứ hai-mươi lại làm thêm một công-trình để bồi tức là sự khuyến-khích nghề viết văn bằng cách phát thưởng hàng năm hay cách nhau hai ba năm một lần, Balzac thử-xướng ra, năm 1654, việc đặt một giải-thưởng Diễn-thuyết văn - học ; Pelisson, năm 1699, đặt một giải về Thi ca ; Montyon, năm 1782, một giải về Văn-chương giáo-hóa, và còn tặng thêm vào đấy một phần thưởng về đức-hạnh. Nhân đấy nhiều hội học soi gương, nhưng chỉ riêng Hàn-lâm viện là cơ-sở vững vàng, tráng lệ hơn cả, vì nhiều món tiền tặng-dữ lớn lao các nơi sẵn lòng gửi về. Cuộc phát phần thưởng làm công-khai vào ngày lễ Saint-Louis, ngày lễ long-trọng nhất của Viện, vì là ngày lễ các vị Tiên Đế đã bảo-trợ và gây linh-hồn cho viện.

Lễ hoan-nghinh vào Viện Hàn-lâm. — Lễ hoan-nghinh, một lễ khác, đặt ra từ năm 1660. Thoạt tiên lễ này chỉ chuyên về những lời tán tụng công đức tiền nhân

như Richelieu, Séguier, Hoàng-đế Louis thập - tứ, vị đương - kim Hoàng-đế và ngôi ba-chủ của toàn-viện hiện-thời, nhưng về sau, đến giữa thế kỷ XVIII, trở nên quan trọng nhất, vì lễ cò nhưn lễ ấy cần theo hơn cả.

Như vậy từ năm 1635 đến năm 1789, một thế-kỷ ruổi qua đi trong công việc yên lặng, đều hòa, mặc dầu có nhiều định-kiên lật vạt khác nhau không thể tranh được và trong một hội học van-nhà vào bậc nhâ-co phẩm-giá cao hơn hết tư trước đến nay.

Mấy cuộc phễ-hưng của Viện. — To án viện bị tan-tac trong thời Chính-phủ Cách-mệnh. Dưới hai Cách-Mệnh tình-trạng của viện nhào đổ hết cả. Cuộc bầu-cử cuối cùng vào năm 1789 ; sau đấy Chính-thờ Lập-pháp ra lệnh đình-chỉ không cho bầu người thế chân nữa. Trong viện chỉ còn 35 hội-viên chia làm hai phái : bọn tán-thành thời-cục như Condorcet, Bailly, La Harpe, Chamfort, và bọn phản-đối thời-cục chỉ khư-khư bảo tồn chính-thờ cũ. Bọn sau này tản mác đi dần dần : có người sang nước ngoài làm ngoại-giao không trở về, có kẻ xuất-dương hay về ẩn-dật vào năm 1791-92.

Giờ phễ bỏ. — Tuy nhiên, Hàn-lâm viện hãy còn đứng vững trong râm buổi họp nữa và mãi đến ngày 5 Août 1793 những hội-viên có mặt còn lại — chưa được 10 người — mới nhất định chia tay. Ba ngày sau Quốc-Uớc Hội Nghị hạ lệnh bãi hết thầy các viện, các hội văn-học hay khoa-học do quốc-gia bảo trợ, và đóng cửa niêm-phong tất cả các hội-sở đã dùng và về sau còn tịch-thu hết cả các của cải.

Cuộc chấn-hưng bắt đầu cùng

với Quốc-Uớc Hội-Nghị — Tuy nhiên sự suy-dồn của các hội văn-học và khoa-học không thể kéo dài mãi được. Tháng Octobre 1793, Quốc-Uớc Hội-Nghị tổ chức một Quốc-gia học-hội dựng ra để « thu nhặt những điều phát-minh, đồ chân-hung mỹ-nghe và khoa-học ». Đoàn-thể mới chia ra từng ban, ban thứ ba chia làm hai tiểu-ban về Van-phạm và Thi-ca, cũng gần như phương-pháp của Hàn-lâm viện cũ. Nhưng hội-viên thoát hiểm hoi năm 1793 lại được tái đăng vào viện là những ông : Sicard, Andrieux, M. J. Chénier, Ducis, Collin d'Harleville, Delille Fontanes : những ông này về sau chính là nguyên-điem cho sự thiết-lập lại Hàn-lâm viện mới.

Đến năm 1803, hình sắc cũ của Hàn-lâm viện đã sống lại đôi chút. Quốc-gia học viện đã cải-cách lại, đặt thêm ban Ngữ học và Văn học Pháp, gồm có 40 hội viên. Phong-thờ vẫn như cũ, chỉ khác có chức-vị là ban Số-học đứng đầu. Sau hết đến năm 1816, một sắc lệnh ban ra khôi-phục danh-hiệu cũ lại cho các ban trong Quốc-gia Học-viện và « Pháp-quốc Hàn lâm viện » được đặt lên đầu, vì là một hội học thâm niên nhất và được trả lại các điều-lệ.

Sự sinh-hoạt hiện thời của Viện

Công việc của Viện. — Những điều-lệ hiện nay không còn giống ngày mới thành-lập được mấy cả.

Hàn-lâm viện gồm có một Viện trưởng và một viện t hưởng An lên trong ba tháng và một tập viên đặc cử suốt đời gọi là thư vlin-viin.

(Xem tiếp trang 21)



III mới phát sinh, triết học có những mộng tưởng thật lớn lao vì những triết gia thời xưa muốn giảng nghĩa tất cả vũ trụ. Vũ trụ ở đâu mà ra? Chúng ta vì sao mà có? Vũ trụ là gì? Vũ trụ đi đến đâu? Đó là những câu hỏi cụ thể truyền của huyền học.

Aristote đã xếp đặt những câu hỏi đó rất minh bạch: trong Tri Tân kỷ trước chúng ta đã có dịp nói đến ba câu hỏi sau đây:

1-) Vũ trụ là gì? Nguyên chất của vũ trụ, *bản chất* của vũ trụ là gì?

2-) Vũ trụ vì đâu mà có? Cái *nguyên nhân đầu tiên* đã tạo nên vũ trụ là gì?

3-) Vũ trụ đi đến đâu? Cái *mục đích cuối cùng* của vũ trụ là gì?

Kỳ này, ta xét qua đến những câu trả lời của các triết nhân xưa nay.

Nếu ta tóm tắt tất cả mấy vấn đề trên làm một, thì ta thấy rằng triết học phát sinh là do điều mâu thuẫn ẩn trong hai ý *động* và *tĩnh*. Bergson, triết gia Pháp nổi tiếng nhất thời nay, đã chỉ cho chúng ta thấy rõ điều đó.

Theo Bergson, trí khôn (intelligence) của chúng ta chỉ tưởng tượng được rõ rệt những gì đứng im mà thôi. Nhìn ra vũ trụ chúng ta chỉ nhận thấy những sự vật *điêng biệt* và *không thay đổi*: người ta khác với cầm thú, con trâu khác con bò, chiếc lá trên cành khác hòn đá trên sườn núi. Nhưng cái gì là vật ấy, vật A không thể là vật B được. Người không thể là súc vật và súc vật không thể

biến làm người. Cây cỏ lúc nào cũng chỉ là cây cỏ, chòm sao gấu lớn (gande ourse) lúc nào cũng giữ nguyên hình một chiếc xe bò vĩ đại. Tóm lại vũ trụ có tính cách *đồng nhất* (identique), nghĩa là lúc nào cũng giống lúc nào.

Nhưng người xưa lại nhận ngay thấy rằng vũ trụ luôn luôn thay đổi. Thì nhìn khắp nơi ở đâu chúng ta chẳng thấy những cuộc chuyển biến. Mèrachine than rằng: « Người ta không bao giờ tắm hai lần ở cùng một dòng sông ». Cụ Ôn-như hầu thì chán nản « Bức tranh văn cầu vẽ người tang thương ». Chúng ta tưởng hễ nằm yên một chỗ là yên thật. Nhưng trái đất trong khi ấy có nằm yên đâu. Vũ trụ lúc nào cũng chuyển biến, nghĩa là không lúc nào *đồng nhất* cả.

Nếu thế thì ta còn giảng nghĩa sao nổi vũ trụ nữa. Trong vũ trụ chứa một sự mâu thuẫn mà ta không thể công nhận được. Một là vũ trụ phải *động*, hai là vũ trụ phải *tĩnh*, chứ vũ trụ không thể vừa động vừa tĩnh, vì khắp chung quanh ta, cái gì đã đen là đen, đã trắng là trắng chứ không thể vừa trắng vừa đen. Chúng ta cũng vậy đã làm người thì là người chứ không thể vừa là người vừa là súc vật được.

Điều mâu thuẫn giữa hai ý động tĩnh đó đã khiến các triết gia đầu tiên nghĩ đến sự phân biệt *bên trong* với *bên ngoài*. Các triết nhân nói: ta thử xét đến một sự thay đổi: ví dụ sự thay đổi của cây bàng mà ta thấy ngoài kia. Cây bàng có thay đổi thật, nhưng lúc nào cũng vẫn là cây bàng. Bên trong những sự thay đổi có một cái gì không thay đổi: cái ấy ta tạm gọi là *bản thể* của cây bàng. Bên trong tất cả

Triết học thường thức

VẤN ĐỀ INH LUẬN

NGUYỄN-ĐÌNH-THI

muôn vật cũng vậy, có một cái gì không thay đổi: đó là *bản thể* (substance) của vũ trụ.

Bản thể ấy có nhiều tính chất nhiều hình dạng, nhiều trạng thái: có thay đổi là chỉ những bề ngoài đó mà thôi. Triết học là khoa học biết nhìn thấy rõ như thế và biết vượt khỏi những bề ngoài để tìm tới tận « bản thể », và nghiên cứu xem bản thể ấy có những tính chất gì.

Song không phải ngay lúc đầu người ta đã dung hòa được hai ý động tĩnh trong cái bản thể kể trên. Các triết gia hy-lạp còn cãi nhau rất lâu trước khi tới được kết quả đó. Phái Zénon thì cho rằng vũ trụ chỉ có tính cách tĩnh mà thôi: Zénon tìm cách chứng minh rằng trong trời đất không có một cái gì chuyển-động hay biến đổi cả. Sau đây ta sẽ còn dịp nói đến học thuyết của Zénon. Phái Mèracrite, trái lại, cho rằng vũ trụ chỉ có tính cách động. Mèracrite thuyết minh rằng trong trời đất không một cái gì là im lìm, không chuyển biến.

Đến thế kỷ thứ 4 trước Thiên-chúa, Aristote mới kết liễu được cuộc tranh luận đó bằng cái « bản thể » của ông. Và khi đó thì vấn đề chính của triết học là tìm biết bản thể của vũ trụ. Triết học trước hết là một « *bản thể luận* » (ontologie). Bản thể luận đó chia làm hai phần:

1-) Phần thứ nhất nghiên cứu về vũ trụ, nghĩa là về tất cả những

gì ở bên ngoài chúng ta: đó là *vũ trụ luận* (cosmologie). Câu hỏi chính của vũ trụ luận là: vũ trụ do vật chất hay tinh thần tạo nên?

2-) Phần thứ hai nghiên cứu về chúng ta, nghĩa là về con người. Người ta do vật chất hay tinh thần mà có? Linh hồn với thân thể có những giây liên lạc nào?

Ta nhận thấy rằng trong « bản thể luận » các triết gia phân biệt *vật chất* với *tinh thần*. Sự phân biệt đó, do hai ý động và tĩnh mà nảy ra. Vũ trụ có một bản thể, bản thể ấy có những bề ngoài, điều đó ta đã biết rồi. Nếu suy nghĩ thêm một chút, ta thấy ngay rằng cái bề ngoài luôn luôn thay đổi ấy chỉ có thể là vật chất, còn cái bề trong không thay đổi của sự vật, không khác gì linh hồn.

« Bản thể » chỉ là linh hồn của vũ trụ, nghĩa là tinh thần chứ không phải vật chất. Linh hồn loài người cũng vậy: đó là « bản thể » của chúng ta. Còn vật chất chỉ là bề ngoài chứa đựng bản thể đó mà thôi.

Bên sự mâu thuẫn giữa hai ý động và tĩnh, ta thấy hiện ra sự mâu thuẫn giữa *vật chất* và *tinh thần*. Hai sự mâu thuẫn đó, trải qua các thời đại, là hai vấn đề đã làm tất cả các triết gia lao tâm khổ tứ.

Nhưng sau khi Aristote đem « bản thể » của ông ra để dung-

hòa động với tĩnh, vật chất với tinh thần, phân động các triết gia đều không nghĩ đến hai sự mâu thuẫn đó nữa. Người ta cho rằng vũ trụ có một bản thể, và tìm biết bản thể ấy là công việc của triết học. Giữa hoặc có một vài người dám nghi ngờ bản thể thì không ai chịu nghe cả.

Vì vậy suốt từ Aristote cho đến Kant, trải hai mươi hai thế kỷ, không triết gia nào là không tìm cách nghiên cứu về bản thể. Những nhời giải kể có hàng trăm, những học thuyết đếm không kể xiết. Người thì cho rằng bản thể của vũ trụ là nước, người thì cho là lửa, người thì cho là những tế bào, người thì cho là những con số. Đến khi Gia-tô giáo xuất hiện thì phần đông các triết gia đều cho bản thể của vũ trụ là một tinh thần siêu việt sáng láng vô song mà ta gọi là *Thượng đế*. Thượng đế chính là bản thể của vũ trụ vậy. Thượng-đế với vũ trụ không khác gì linh hồn với thân thể. Thượng-đế khác nào màu đỏ của trái táo đã chín, và vũ trụ khác nào trái táo ấy (Spinoza). Cũng có người cho rằng vũ trụ do những phần tử rất nhỏ tạo nên, trong những phần tử đó chỉ có tinh thần. Đó là học thuyết về đơn tử (monade) của Leibniz. Sau đây ta sẽ có dịp xét đến từng nhời giải đó một, cho được rành mạch hơn.

Nhưng hiện nay, ta đã có thể thấy rằng tất cả những học thuyết kể trên đều gián tiếp công nhận hai điều này, và công nhận một cách triệt để:

1- Điều thứ nhất là *trong vũ trụ có một bản thể* bất di bất dịch như ta đã nói;

2) Điều thứ hai là *bản thể đó trú ở người ta có thể tìm tới được*.

Nhưng đến thế kỷ thứ mười tám, Kant, một triết gia người Đức, đặt lại hai câu hỏi trên, và dám nghi ngờ hai điều đã được công nhận triết-đề trong hơn hai mươi thế kỷ. Khi nghi ngờ như vậy, ông xoay hẳn triết học về một hướng khác. Bởi vậy Kant là một trong những triết gia có công nhất với nhân loại. Trong cuốn « *Thuần-túy lý-thức luận* » (Critique de la raison pure) xuất bản năm 1781 Kant nói:

Từ xưa đến nay, triết học gián tiếp công nhận hai điều: một là trí óc chúng ta có thể biết được bản thể của vũ trụ, hai là trong vũ trụ có một bản thể bất di bất dịch. Bao nhiêu học thuyết xưa nay đều cho những điều đó là lẽ tự nhiên và không ai nghi ngờ hai « sự thật » kể trên. Chắc chắn như thế rồi, các triết nhân bạo dạn huơ lưỡi vào trong những vấn đề cao siêu như bản thể là gì? Nguyên nhân đầu tiên, mục đích cuối cùng của vũ trụ là gì? v... v... Người ta yên tâm tìm cách giảng nghĩa vũ trụ, nhưng không ai nghi ngờ cái « biết » của mình cả. Vì vậy, triết học nghiêng hẳn về phần « lý » mà nhãng phần « triết ». Các triết nhân chỉ biết đi tìm lý do của sự vật mà không phê bình cái biết của loài người. Triết học biến thành một thứ khoa học có những mục đích cao sâu hơn khoa học thường thức.

Nhưng nếu nghĩ kỹ hơn một chút, ta thấy ngay rằng trước khi tìm xem bản thể của vũ trụ là gì, ta phải giải quyết được vấn đề (Xem tiếp trang 19)

BIA VĂN-MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHỀ TRIỀU LÊ

Số 50

16. — Nguyễn-trí-khoan, người làng Phan-xa, huyện Tứ-kỷ, phủ Hạ-hồng, tỉnh Hải-dương, đỗ đệ tam giáp đồng tiến-sĩ xuất-thần khoa mậu-tuất năm 1478, đời vua Lê-Thánh-Ton. Làm quan đến thị-lang (chép theo bia Văn-miếu và sách *Đặng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 43 a).

17. — Nguyễn-Cối, người xã Hội-am, huyện Vĩnh-lại, phủ Hạ-hong, tỉnh Hải-dương, đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu-tuất 1478. Làm quan đến tự-khanh (*Đặng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 43 a).

18. — Nguyễn-tâm-Hằng, người xã Thái-thạch, huyện La-giang (đổi làm La-sơn), phủ Đức-quang, tỉnh Hà-tĩnh. Năm 45 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu-tuất 1478. Làm quan đến tá-lý công-thần Lễ-bộ hữu-thị-lang (*Đặng khoa lục*, quyển 1, tờ 24 b. và *Đặng khoa bị khảo*, thu-tập trung, tờ 18 b).

19. — Lương-Vinh, người xã Cồ-bi, huyện Gia-lâm, phủ Thuận-an, tỉnh Kinh-bắc. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu-tuất 1478. Làm quan đến Binh khoa cấp-sự-trung (*Đặng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 80 a).

20. — Iphi-Mãn, người xã Cửu-bao, huyện Gia-lâm, phủ Thuận-an, tỉnh Kinh-bắc. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu-tuất 1478. Làm quan đến thừa-chánh-sứ (*Đặng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 80 a).

21. — Lưu-Hy, người xã Thượng Thanh-oại, huyện Thanh-oại, phủ

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Ứng-thiên, tỉnh Sơn-nam. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu tuất 1478. Làm quan đến hiến-sát-sứ (*Đặng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 34 a).

22. — Vương-khắc-Mại, người xã Yên-nội, huyện Ninh-sơn (An-sơn) phủ Quốc-oại, tỉnh Sơn-tây. Năm 31 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu-tuất 1478. Phụng mệnhчанh sứ sang nhà Minh. Làm quan đến ta thị-lang, kiêm dò-lục-sĩ. Hưởng thọ hơn 70 tuổi, toàn mệnh ma mât (*Đặng khoa bị khảo*, quyển Sơn-tây, tờ 36 a).

23. — Ngô-kim-Húc, người xã Hàng-kinh, huyện An-duong, phủ Kinh-môn, tỉnh Hải-dương. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu-tuất 1478. Làm quan đến thiên-dò ngự-sử (*Đặng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 72 a). *Đặng khoa lục*, quyển 1, tờ 24 b, chép ông làm quan đến Lại-khoa (bộ) dò-cấp-sự-trung.

24. — Nguyễn-Cần, người xã Đoàn-xá, huyện Trường-tân (gia-lộc), phủ Hạ-hồng, tỉnh Hải-dương. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu-tuất 1478. Làm quan đến dò-cấp-sự-trung (*Đặng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 36 b).

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p.00 một vé

25. — Phạm-miền-Lân, người xã Hoa-kiều, huyện Thiên-tài (Lang-tài), phủ Thuận-an, tỉnh Kinh-bắc. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu-tuất 1478. Tháng chạp năm 1488 sung chức phó-sư sang nhà Minh mừng vua Tàu lên ngôi. Làm quan đến chỉ-huy thêm-sự kiêm diu-uý-xứ. Sinh ra Phạm-chính-Ngũ, đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất-thần khoa giáp-tuất 1514 (*Đặng khoa lục*, quyển 1, tờ 25 a, quyển 2, tờ 12 b; *Đặng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 121 b; *Khâm-dịnh Việt-sử*, quyển 24, tờ 6 b - 7 a).

26. — Đào-tiến-Khang, người xã Xuân-đỗ, huyện Gia-lâm, phủ Thuận-an, tỉnh Kinh-bắc. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu-tuất 1478. Làm quan đến thừa-chánh-sứ (*Đặng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 80 a).

27. — Đỗ-Hựu, người xã Đại-nhiễm, huyện Ý-yên, phủ Kiến-hưng, tỉnh Sơn-nam. Năm 28 tuổi (theo *Đặng khoa lục*, quyển 1, tờ 25 a; *Đặng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 101 b, chép là năm 38 tuổi) đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu-tuất 1478. Phụng mệnh đi sứ.

28. — Trần-Sảnh (có âm nữa là Trần-Thánh, hoặc Trần-Tĩnh), người xã Tam-diệp (Ngọc-lũy), huyện Thạch-hà, phủ Hà-hoa, tỉnh Hà-tĩnh. Năm 48 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu-tuất 1478. Làm quan đến chức hiến-giám-sát-sứ, tri sĩ (*Đặng khoa bị khảo*, thu-tập trung, tờ 47 a). *Đặng khoa lục*, quyển 1, tờ 25 a, chép ông làm quan đến giám-sát ngự-sử.

(Còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

TRA NGHĨA CHỮ NHỎ

Số 29

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Có cái lọ Tàu cỡ, một mặt vẽ người đàn-bà ngồi trên ghế, cạnh có con mèo (chữ nhỏ là *miêu*, quan-thoại đọc là *mao*, đồng-âm với chữ *mạo* là 90 tuổi) và ở trên có mấy con bướm (*diệp*, quan-thoại đọc là *tie*, đồng-âm với chữ *diệt* là 70, 80 tuổi). Mặt bên kia vẽ một người đàn-bà đứng, có người đem biểu quả lựu (biểu-hiệu đồng con). Người ta tặng nhau cái lọ vẽ như thế là chúc nhau sống lâu và đông con.

Có lối chấm « ngũ thể đồng đường », người nước ta thường gọi là « ngũ đại đồng đường » : lối ấy vẽ hai ông bà già ngồi, xung quanh con cháu đông ; ông bà cắt cam chia cho lũ cháu bé : ấy là theo điển-tích Vương-hy-Chi. Còn một lối vẽ hai ông bà già ngồi trên và một người nữa cũng nhiều tuổi chạy đến với ông bà như đứa bé con đến với cha mẹ, rồi già cách ngã : ấy là theo điển-tích Lão-Lai.

Xem như thế thì người Á-Đông thường ước-ao sống lâu và đông con cháu.

Dạy cho đồng-bào Việt-Nam thất học, biết đọc và biết viết chữ quốc-ngữ là giúp cho họ biết cách phụng-sự Quốc-gia. Vậy bốn phận của chúng ta là phải giúp hội Truyền-Bá Quốc-Ngữ.

Người Tàu thường thêu hoặc vẽ một quả phát-thủ (là biểu-hiệu chữ phúc hoặc chữ phú), một quả đào (thọ) và một quả lựu (đông con) : thế gọi là *tam-da*. Sự-tích *tam-da* ở sách Tàu có chép : « Khi vua Nghiêu đi tuần-thứ đến đất Hoa, quan phong-nhân (là quan coi về ruộng đất) ở đất Hoa chúc rằng : « Xin chúc đấng thánh-nhân được phú, thọ, đa nam », nghĩa là giàu, sống lâu và nhiều con. »

Có một kiểu vẽ hay thêu bức *Tam-da* đồ : một lũ trẻ con đứng xúm lại, một đứa cầm hộp ấn đề biểu-hiệu sự làm quan (chữ nhỏ gọi là lộc), một đứa cầm một cái như-ý và bốn đứa đọc sách (phúc), cạnh có một ông già tóc bạc hói chán, tay chống gậy, có một người biểu quả đào. Ông ấy là thọ, trông có thể đoán được ngay.

Còn một lối nữa vẽ một người ăn mặc rất sang-trọng đề biểu-hiệu sự sung-sướng hay sự giàu-có, vì tiếng quan-thoại đọc chữ phúc và chữ phú đều là *fou* cả.

Phú (hoặc phúc), thọ, đa-nam là lối thường của người Tàu theo điển *tam-da* ; nhưng không phải chỉ có một lối như thế đâu : có lối vẽ ba ông phúc, lộc, thọ, gọi là *tam-tiên*. Trong lối *tam-tiên* cũng có nhiều kiểu. Ông Thọ thì râu tóc đã bạc, lại hói trán, người ta trông dễ nhận lắm. Còn hai ông phúc, lộc vẽ không nhất định. Ông lộc vừa giàu vừa làm quan, thì có khi vẽ áo lục (vì chữ lục với chữ lộc, tiếng quan-thoại cùng đọc là *lou*), tay cầm cái hốt ; có khi vẽ áo đỏ, tay cầm cái như ý. Còn ông

phúc, người Tàu thường vẽ ông ấy âm con, lại vẽ bên cạnh một đứa con nữa : phúc đây là phúc đức trong gia-đình, đông con nhiều cháu ; nhưng phúc cũng có khi là giàu và toại-nguyên, thành ra những tò tranh hay pho tượng lắm khi vẽ hay tạc giống ông lộc, vì cũng vẽ áo đỏ, cũng cầm như-ý.

Có cái lọ cỡ, bên tả là ông thọ, chấm ông cụ râu tóc bạc trắng, hói trán, tay cầm quả đào, bên cạnh có con hạc ; là biểu-hiệu tuổi thọ ; ở giữa vẽ ông lộc, tay cầm cái như ý, đứng cạnh có con hươu (hươu chữ nhỏ là lộc, đồng âm với chữ lộc là bổng lộc) ; còn bên hữu vẽ ông phúc, đứng với các con cháu, lại vẽ con dơi ở trên sa xuống : dơi chữ nhỏ là phúc, đồng âm với chữ phúc). Lược dịch cuốn Edouard Chavannes, *De l'expression des vœux dans l'art populaire chinois*.

(Còn nữa)

Ứng hòe NGUYỄN VĂN TỐ

DÃ CỐ BẢN

Một quyển sách mà ai ai cũng nên đọc, dầu là người mạnh, người hời hợt, người bị lao.

BINH HO LAO

những phương pháp ngừa lao, san sóc người phổi yếu và tiếp dưỡng người bị lao
Giá 4\$00

của Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN

TỔNG PHÁT HÀNH :

Hà Nội : Hiệu sách Đông Tây
195 Hàng Bông

Huế : Hiệu sách Văn Hóa
29 Maréchal Pétain

Saigon : Nhà sách Nguyễn-
Khánh Đàm, 12 Rue
Sabourain

Có in li bản giấy đẹp hao hạng.
Ấn hời nơi Ông Nguyễn
Khánh Đàm.

Một kiến giải về

VẤN ĐỀ DỊCH SÁCH

Số 3

ĐỖ-THỨC

DỊCH nôm những tiếng pháp của nhà khoa-học nung đúc, cần đến tư-vấn, có đủ những tiếng ấy, thì công việc dễ-dàng. Nhưng, dịch-giã có thể tìm một vài phương-pháp giản-dị, và công việc dù khó khăn, nếu người dịch hiểu ý nguyên-van, mà chịu khó xếp-đặt từng tiếng, từng câu cho hợp nghĩa, lọt tai thì không ngại những điều ngáng trở. Ta hãy thử xem ít nhiều câu pháp-ngữ trong vài ba quyển sách khoa-học ra mà thử diễn nôm, thì tỏ rõ những nơi thường ngắc-ngứ.

Pháp văn. — Les papillons sont d'élégants insectes, au vol gracieux; leurs quatre ailes sont recouvertes d'écailles et parées le plus souvent des plus brillantes couleurs. Ils butinent sur les fleurs et en aspirent le nectar à l'aide d'une trompe enroulée en spirale. Cette spiritrompe est formée par la soudure de deux mâchoires.

Dịch nôm. — Loài bướm là những sâu nhả-nhận, bay dịu-dàng bốn cánh có vẩy, mà có nhiều màu sắc-sỡ là sự rất thường. Bướm kiêu mòi trên các bông hoa, hút nước nưi hoa với một cái vòi hình xoáy-ốc. Cái vòi hình xoáy-ốc ấy lập thành ra bởi hai hàm chạp liền.

Chu thích. — Bướm là tiếng, nên dùng chớ ngắc-ngứ, mà ghi đến đôi chữ hán hồ-diệp. Nếu nuôi phổ-thông, thì tiếng bướm, nhiều người hiểu lơn, như ng tiếng hồ-diệp cũng nên biết, vì nhiều câu

thành-ngữ có xen lẫn tiếng ấy, như *giấc điệp*, khiến ta tưởng đến truyện kia của Trang-tử bày nhẽ cái tâm bất lão, hay hồn bất tử, mộng đã biến thành ra loài bướm ấy.

Nectar, nghĩa chính là thứ rượu thần-tiên Hỷ-lạp xưa thường dùng, đây thì chỉ là một chất lỏng ở trong nhị hoa.

Tiếng spiritrompe lập thành bởi hai tiếng ghép lại: spiri: spirale. là hình xoáy-ốc, và trompe là cái vòi. Vậy người dịch có thể dựa vào cõi-rễ tiếng pháp mà nói cho đúng, là cái vòi-hình-xoáy-ốc. Khi viết ta dùng những vạch nối liền ba vần, vòi-xoáy-ốc, lập thành một tiếng có nhiều vần, chẳng có sự gì mới lạ. Nhiều tiếng khác theo phương-pháp ấy mà dịch hình như không sai.

Pháp văn. — Une chauve-souris au vol dans la demi-obscurité du crépuscule, heure à laquelle elle sort, fait l'effet d'un petit oiseau, mais si on l'examine au repos, on voit quelle en diffère totalement.

Thống chế Pétain đã nói:

« Sử xanh sẽ xét đoán bản chức vì ta nhận phần trách nhiệm nặng nhất. Nhưng dù làm một chức viên rất nhỏ mà đã lĩnh một phần quyền hành tất phải gánh một phần trách-nhiệm ».

En effet, elle possède des poils et des mamelles. Donc la chauve-souris appartient aux mammifères.

Ses ailes sont formées par une fine membrane qui s'étend entre les quatre derniers doigts de la main démesurément allongés; de plus cette membrane se soude au corps aux pattes postérieures et à la queue.

Le pouce de la main, les doigts des pattes postérieures sont libres et courts. Ils servent à l'animal à s'accrocher ou à marcher sur le sol.

La dentition est celle des insectivores. Les chauves-souris se nourrissent en effet d'insectes du moins dans nos pays, où elles sont de petite taille.

Dịch nôm. — Một con giời bay trong lúc chập tối, hoàng-hôn, là giời nó ra, tưởng như một muông chim nhỏ; nhưng nếu người ta xem xét khi nó đậu yên thì thấy khác hẳn loài-cầm. Thực thế, nó có lông, có vú; vậy con giời thuộc về loài có vú.

Cánh nó lập thành bởi một màng da mỏng, căng từ bốn ngón tay sau đốt giải quá độ; và lại màng da ấy dính liền với thân-thể, với những chân sau, với đuôi.

Ngón tay cái, mấy ngón chân sau thì được thông-dong (không dính vào màng da) mà được ngán-ngủ, con vật dùng để bám chặt và đi trên đất.

Rằng nó là rang loài sâu bọ. Thật vậy, giống giời bắt sâu bọ để mà nuôi mình, nói hẹp nhất là trong các xứ ta, hình nó bé nhỏ.

Chu thích. — Membrane, chữ hán dịch là bì, cũng như tiếng peau. Nhưng đối tiếng pháp ấy thì nghĩa có khác nhau, một mỏng,

một dãy, quốc-ngữ ta cũng chỉ có một tiếng da, vậy muốn phân-biệt tiếng membrane với tiếng peau thì có thể thêm tiếng màng, thành tiếng ghép màng-da để dịch tiếng mebrane.

Insectivore cứ pháp-ngữ lập thành bởi hai tiếng la-tinh chập lại, nghĩa là ăn sâu bọ; mà câu theo sau tiếng ấy là: Les chauves-souris se nourrissent en effet d'insectes, thì cũng chỉ nói: loài giời, thật thế, ăn sâu bọ, xem ra tựa nói lập. Vì vậy nên diễn khác đi là bắt sâu bọ để mà nuôi mình.

Pháp văn. — Observons un de ces mille-pattes qui se cachent sous les pierres et s'enfuient lorsqu'on soulève celles-ci.

Ils ont en avant une tête munie d'antennes et en arrière un assez grand nombre de segments portant chacun une ou deux paires de pattes. Tels sont les caractères de cette classe d'animaux.

Dịch nôm. — Ta hãy xem-xét một trong những con rết ẩn dưới tảng đá, khi nâng lên thì chúng chạy trốn.

Đàng trước chúng có một cái đầu có nhiều râu, đàng sau có khá nhiều khúc, mỗi khúc có một hay là hai đôi chân. Đây là những dấu hiệu riêng của hạng động-vật ấy.

Chú thích. — Tiếng observer, chữ hán có thể diễn là quan-sát, cũng nghĩa là xem-xét mà thôi.

Un de ces mille-pattes mà dịch là một con rết thì không đúng lắm, vì cứ nguyên tiếng pháp, muốn nói là một trong những con rết ấy.

Pháp văn. — Les embranchements sont divisés en un certain nombre de classes; les classes sont subdivisées en ordres, les ordres en familles, celles-ci comprennent

des groupements qu'on appelle genres. Enfin, tous les individus qui ont entre eux le plus de ressemblances constituent une espèce. (Par exemple: le loup, le renard sont des espèces du même genre).

Dịch nôm. — Những ngành chia ra nhiều hạng; hạng phân thành nhiều bậc; bậc chia ra nhiều họ, họ có nhiều chi gọi là loại. Sau hết tất cả những muông-vật có hình dạng tương tựa nhiều nhất lập thành một giống (Ví dụ chó sói, cáo là những giống cùng một loại).

Chú thích. — Tiếng embranchement dịch là ngành thì đúng vào nghĩa gốc tiếng pháp. Tiếng classe với tiếng ordre cùng nghĩa là lớp, bậc; tiếng genre với tiếng espèce cùng một ý là loài, giống; khi dịch nên phân-biệt.

Pháp văn. — Phototropisme de la tige. — La direction de la tige principale n'est exactement verticale que si les conditions réalisées par le milieu extérieur sont identiques tout autour d'elles. Un éclairage inégal modifie cette direction, de telle sorte que la tige se dirige le plus ordinairement vers le côté le plus éclairé. Si on place des plantes jeunes dans un appartement devant une fenêtre, les tiges en voie de croissance s'infléchissent généralement vers la lumière. Le phototropisme est l'action directrice que la lumière

exerce sur un organe: la tige se dirigeant vers la source lumineuse a un phototropisme positif.

Dịch nôm. — Thân cây có bản-tính xoay-hướng-về-nơi-sáng. Chỉ khi nào quang-cảnh ở ngoài mà được có những điều-kiện tương-đồng xung-quanh cây thì thân gốc cây mới thật là đứng dọc thẳng thoi. Sáng không đều thì hướng ấy thay đổi, thân cây tự xoay rất thường thường về phía sáng nhất. Nếu người ta đặt những cây còn non trong một căn nhà, trước nơi cửa sổ, thì những gốc cây đang thời sinh trưởng thường nghiêng về nơi ánh-sáng. Thân cây xoay hướng về nơi ánh-sáng như thế là vì ánh-sáng hành-dòng dẫn hướng cho cơ-quan: thân cây tự nghiêng về nguồn quang-minh là có bản-tính-xoay-hướng về đàng ấy thực sự.

Chú thích. — Tiếng phototropisme cứ chữ-pháp ngữ có hai tiếng ghép lại: photo: sáng và tropisme: động-dậy. Vậy ta có thể dịch là bản-tính-xoay-hướng-về-nơi-sáng, lập thành một tiếng mới có nhiều vần, như trên đã nói; nếu tìm trong tiếng quốc-ngữ hay là hán-tự một tiếng hay chữ mà dịch cho đủ nghĩa, thì hình như rất khó vậy.

Tiếng milieu là xứ-sở, địa-thế, quang-cảnh; ở bài này dùng 2 tiếng quang-cảnh rất hợp ý.

Nhiều câu tiếng pháp dịch theo thứ-tự từng chữ thì không có nghĩa. Ví dụ: un éclairage inégal modifie cette direction, nếu cứ dịch là: sự sáng-soi không đều làm thay đổi cái hướng ấy, thì cũng nghe được, nhưng không rõ ràng bằng câu: sáng không đều, thì hướng kia thay đổi.

(Còn nữa) ĐỒ THỨC

Giá báo	
Mỗi số	0 \$ 20
1 năm	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 35
Cổng sở giá gấp đôi	
Mua báo xin giả tiền trước	

Nguyễn-triều Trung-hưng Công-thần

TÔNG PHÚC ĐẠM

NGUYỄN TRIỆU



DẠM là người huyện Hương-trà (Thừa-thiên) về dòng-dõi Tống-phúc - Đào và cũng là công-thần từ Triều trước (1).

Đạm tính nết trầm tĩnh và lại có cơ-lược, làm tham-mưu thời vua Duệ-Tôn (2).

Tháng chạp nam Giáp-ngọ (1774) quân Trịnh vào xâm lấn Thuận-hóa. Duệ-Tôn khiến Hoàng-tôn Dương (3) đi trước qua Hải-vân-quan, còn nhà vua thì đi thuyền ra cửa Tư-dung vào Quảng-nam.

Nam sau, ất-mùi (1775) vua trú tất tại Giá-tân, lập Hoàng-tôn Dương lên làm Thế-tử xưng là Đông-cung. Mới được mấy ngày thì Nguyễn văn Nhạc vào đánh, quan quân chống cự không lại. Duệ-Tôn cùng cháu ruột gọi bằng chú là chúa Phúc-Anh xuống thuyền đi đường bè vào Gia-định, còn Đông-cung Dương thì lên ngà Câu-đê. Lúc bấy giờ Đạm làm chức Trung-dinh giám-quản, đem binh ra chống nhau với quân địch; ngoài thì quân Trịnh đánh vào, trong thì quân Tây-sơn đánh ra.

Sau khi Định-Vương đã vào đất Đồng-nai rồi, Đạm theo Đông-cung ở lại giữ Quảng-nam, sau lại bị quân Tây-sơn bắt được đưa cả về Qui-nhơn.

Thang 10 nam ấy, Bình thân (1776), Đạm cùng với bọn Nguyễn văn Hòa đem Đông-cung trốn vào đến Gia-định.

Tháng 11 năm ấy, vua Định-Vương họp các quan, nhường ngôi cho Đông-cung, gọi là Tân-chính-vương ở chùa Kim-chương, ngoài thành Gia-định, Đạm và Hoà chịu mật chỉ ra Quảng-ngãi cùng với Đô-thống Sứ là Đặng văn-Phong đề khởi binh đánh giặc.

Khi mới ra đến Bồng-sơn thì bị phục-binh của Tây-sơn đồ ra đánh, binh-sĩ tan chạy, Trần văn-Hòa tử-trận.

Đạm chạy thoát được về Phú-xuân.

Đến năm Ất-tị (1785), Đạm nghe tin chúa Phúc-Anh ở Vọng-các, bèn vượt bể tìm sang với Ngải, song thuyền gặp bão bị hạt phong vào cửa Hạ-uy nước Diên-diện, bị người Diên tình nghi, bắt cầm tù ở đấy. Đạm phải giam chửng một tháng, may làm quen được với một người Tàu. Viết chữ Hán nói chuyện với nhau, nhờ người Tàu nói giúp với Diên hộ, bấy giờ người Diên-diện mới hiểu ra mà tha cho đi. Đạm liền sang được tới đất Xiêm, tìm đến bãi-yết Nguyễn-Vương ở Vọng-các, lâu-bày hết sự tình bất-hòa giữa anh em Tây-Sơn, Nhạc và Huệ đánh nhau; xin Ngải quyết đem quân về mà đánh lấy lại thành Gia-định. Vương liền mật sai các tướng chinh-bị chiến-thuyền đề về Gia-định.

Đêm mồng 1 tháng 7 năm Đinh-mùi (13 Aoút 1787), vua Nguyễn xuống thuyền về nước. Tháng 9 vào đến cửa Cần-giờ, quân thế đã to lắm.

Đông-định-vương Tây-sơn là Nguyễn Lữ (4) khiếp sợ vô cùng, đề Thái-phó Phạm văn-Tham ở lại giữ thành Sài-gòn còn mình thì lui quân về Lạng-phụ (5).

Khi thủy-quân vua Nguyễn vào cửa Cần-giờ, bắt được một chiếc thuyền và sắc thư của bên địch, vua bèn sai Đạm làm trả một bức thư của Nhạc gửi cho Lữ xui giết Phạm văn-Tham và lại sai người giả-tảng đưa lăm cho Tham.

Tham nghi tình, bèn làm phản mà đánh lại Lữ. Lữ phải bỏ chạy về Qui-nhơn, được ít lâu thì mất.

Mồng 4 tháng 8 năm mậu-thân (3-9-1788), vua Nguyễn hạ thành Gia-định lần thứ tư.

Tháng 3 năm Quý-sửu (1793), Nguyễn vương ra đánh Qui-nhơn, lưu Đạm cùng với Phạm văn-Nhân ở lại phò Đông-cung Cảnh giữ thành Gia-định. Đạm thi-hành cấm-lệnh rất nghiêm, không từ kẻ thân người quý.

Tháng 3 năm Giáp-dần (1794), Đạm theo vua ra cứu thành Diên-Khánh, đến lúc trở về được nửa đường thì mất.

Thời vua Minh-Mạng Đạm được truy tặng là Hiệp-bien-đại-học-sĩ Thiếu-sư tước Tuấn-nghĩa hầu.

(Xem liếp trang 23)

Đón coi:

Lược xét nguyên nhân sự bại vong của nước Chiêm thành và những ảnh hưởng của người Chiêm mà dân tộc ta đã chịu.

DƯƠNG KỶ

Nguồn gốc Hoa tiên kỷ

ĐÀO DUY-ANH

Lớp thành chung và trường tạo đẳng tiểu học của người Pháp.

NGUYỄN NHÂN

Hút thuốc là có hại chăng?

Bác-sĩ LÊ VĂN-NGON

Văn đề sáng tác một chuyên ngữ triết học.

LÊ THANH

Vấn đề bình luận

(Tiếp theo trang 13)

này đã: « vũ trụ có thật chưa đựng một bản thể không? Và nếu có, thì bản thể đó tri thức chúng ta có thể tìm biết được không? »

Hai câu hỏi ấy chưa trả lời được thì những nhời giải của ta về những vấn đề cựu truyền của huyền học chớ ra có giá trị gì.

Mà thực ra hai vấn đề đó chỉ là một: muốn biết vũ trụ có thực chưa đựng một bản thể không, ta phải biết rằng cái « biết » của chúng ta có giá trị nào. Vì nếu chẳng hạn chúng ta không thể tìm tới bản thể được, thì dù trong vũ trụ có hay không có một bản thể ta cũng không thể biết rõ. Và khi ấy câu hỏi: « vũ trụ có thực chưa đựng một bản thể không? » là một câu ta không trả lời được.

Trái lại, nếu tri thức chúng ta đủ tài, đủ sức vượt khỏi bề ngoài của sự vật để tìm tới tận bản thể được, thì ta có đủ tư cách để trả lời câu hỏi: « Trong vũ trụ có một bản thể không? và nếu có thì bản thể đó thế nào? »

Như vậy, vấn đề quan-trọng nhất và cần trả lời đầu tiên là:

« Tri thức chúng ta có thể tìm biết bản thể được không? » hay nói một cách khoa-học hơn « Cái biết của chúng ta có giá trị nào? »

Trả lời câu hỏi đó tức là phê bình cái biết của chúng ta, hay nói theo các học giả, là bình luận về tri thức của loài người. Bởi vậy vấn đề đó, người ta gọi là *vấn đề bình luận* (problème critique). Cũng nhiều triết gia kêu nó là *vấn đề tri thức* (problème de la connaissance). Hai tên đó, chúng ta nên

nhớ, cùng chỉ một câu hỏi duy nhất, và câu hỏi đó là:

« Tri thức của chúng ta đáng giá bao nhiêu? »

Chúng ta đã thấy vì sao vấn đề bình luận lại là trung tâm của tất cả triết học. Tất cả những vấn đề khác đều xoay chung quanh câu hỏi duy nhất đó, vì chưa trả lời nó được rõ rệt thì người ta chưa dám chắc chắn bước vào những câu hỏi khác.

Nếu nhận kỹ nó hơn một chút nữa, ta lại thấy rằng muốn phê bình cái biết của loài người, ta phải vào trong cái « biết » đó, và tìm xem tri thức loài người « biết » sự vật ra sao. Tồn tại như thế nghĩa là nghiên cứu về *tâm lý* của loài người, về trí tuệ, về tình cảm, về nghị lực của họ.

Tri thức khi bàn đến triết học, ta phải giới tâm-lý học đã. Và triết học, khi trước nghiêng hẳn về phía tìm biết vũ trụ, thì nay lại nghiêng về tìm hiểu lòng người. *Triết học* đề ý đến đời sống bên trong, mà bớt chuyên chú về vũ trụ. Vấn đề bình luận xoay hẳn triết học về một con đường khác. Vì vậy, Kant đã viết:

« Một cuộc phê bình, và chỉ một cuộc phê bình thấu gồm tất cả triết học. Và bình luận thuyết đối với những học phái tâm thường của triết học cũng như thiên văn học đối với chiêm-tinh-thuật vậy ».

Phạm-vi chật hẹp của một bài báo không cho phép chúng ta vào sâu hơn trong vấn đề để xét đến nhời giải của từng triết gia được. Công việc đó chúng ta sẽ bắt đầu từ kỳ sau.

Hiện nay ta cần tóm tắt tất cả những điều ta vừa tìm biết, và ta

thấy huyền học gồm có hai vấn đề lớn:

1) Vấn đề thứ nhất là vấn đề bình luận;

2) Vấn đề thứ hai là vấn đề bản thể.

Vấn đề bản thể chỉ có thể đứng vững khi ta cho rằng tri thức người ta có thể tìm biết bản thể được.

Đặt câu hỏi như ở trên ta thấy những câu trả lời có thể xếp thành hai loại lớn:

1) Một loại cho rằng tri thức ta có thể biết bản thể được, đó là những câu trả lời của tất cả các học đoàn chủ nghĩa (dogmatismes);

2) Một loại nữa cho rằng trái lại, tri thức ta không thể biết được bản thể: đó là câu trả lời của bất khả tri-nghị luận (agnosticismes).

Bắt đầu từ kỳ tới, ta sẽ vào trong những chủ nghĩa đó.

Trước khi chấm hết bài này, ta chỉ cần nói thêm một điều nữa: là những cách biết của tri thức chúng ta, hay nói cho rõ hơn, những cách tri thức chúng ta tìm biết vũ trụ có ảnh hưởng đặc biệt đến câu trả lời của ta.

Cách biết ấy là cách ta suy nghĩ, cách ta lý luận. Bởi vậy, trước khi xét đến giá trị của tri thức, ta phải xét, đến vấn đề luận. Mà những triết nhân nào đã tìm được một cách luận mới chính là những triết nhân đã xoay được triết học về một hướng đặc-biệt. Trong lịch-sử triết học có năm người đã lập được sự nghiệp đó: ấy là Aristote, Bacon, Descartes, Hegel, Bergson. Nhưng thực ra, sự nghiệp lớn nhất chỉ có ba người: Aristote, Bacon, Hegel. Ta sẽ xét đến những phép luận của ba triết gia đó.

NGUYỄN-DINH-T

Kỳ sau:

Nói về phép luận

Aristote — Bacon — Hegel.

MỘT BỨC THƯ HUÊ VỀ

VĂN - ĐỀ QUỐC VĂN

L. T. S. — Chúng tôi tiếp được thư này của cụ Ứng-Trình (Huê) tỏ ý hưởng ứng với Tri Tân về vấn đề « Người Nam cần phải viết đúng tiếng nam ». Trước nhĩ ý ấy, chúng tôi xin thành thật cảm tạ.

Trong thư, cụ có bàn : Tri Tân nên mở thêm mục « Quốc văn » để định chính qui tắc cú pháp và danh từ. Chúng tôi rất hoan nghênh cái cao kiến ấy, và sẽ liệu tình phương pháp làm dần.

Tựa trung chúng tôi có một vài ý kiến dị đồng với cụ thì Hoa Bằng đã mạo muội trình bày ở bài đầu số báo này. Xin cụ lượng thứ và chỉ giáo cho.

Dưới đây, là nguyên văn bức thư của vị lão thành có nhiệt tâm với quốc văn ấy.

UNG-TRÌNH

Kính nhà chủ bút,

Dem van chương mà làm cho nước được vẻ-vang, hạng người ấy, ngày trước có nhiều, đã làm cho Việt-Nam nổi danh là nước van hiến.

Song văn chương sống theo thời đại, nay thời đại hán học đã qua rồi, thời đại quốc van lại đến, nhiều nhà đã viết tiểu thuyết, đã viết giáo khoa, viết lối phổ-thông, là lối truyền bá. Duy Nam-Phong và Tri-Tân, có tính-cách khác, báo thì tỏ chức danh từ, báo thì định-chính danh từ, ai đọc báo, cũng đã công nhận cái tôn chỉ của báo.

Báo Nam-Phong đã kết liễu, còn báo Tri-Tân đương mang chức-vụ vào mình thay mặt cho Nam Bắc quốc dân, công nhiên tuyên bố những danh từ định chính.

Vì tôi mong cho mau thấy công-hiệu, cho nên tôi tiếc, sao trong báo Tri-Tân, không mở ra một mục « quốc văn »; phạm những vấn đề có quan hệ đến quốc văn, đều đăng vào mục ấy, để cho người xem chú ý, mà người viết cũng lưu tâm.

Không phải chỉ riêng tôi, có cái vọng ấy, tôi nhớ trong Nam-Phong, ra năm 1932, ông Tân-Đà đã than thở mấy lời : « Văn quốc ngữ ngày nay, sống gỏi trên ngọn bút của một ít nhà van, ai đã đem

tấm lòng nhiệt thành, đều mong chấn chỉnh bồi bổ. . . Song trong buổi mới gây dựng, cầu lấy cái tốt, cái hay, vẫn hiểm lắm. Người viết văn, cũng mới học viết, người xem văn, cũng chưa chắc đã sành, phần nhiều, cứ có sách là xem, không cần cân nhắc câu văn hay dở thế nào, miễn hiểu được chuyện là đủ.

« Vả lại lối viết văn xuôi bằng quốc-ngữ, cũng bắt đầu mới mấy mươi năm, vì hay dở tùy biệt tài của từng người, cho nên mỗi người viết mỗi thế, không có qui tắc để dạy bảo cho nhau được ».

Đọc bấy nhiêu câu, đã thấy cái hi vọng của Tân-Đà, hi vọng sao cho quốc văn sẽ có qui tắc.

Cũng vì cái hi vọng ấy, cho nên mấy nam nay, tôi đương viết một bản quốc văn, có qui tắc rõ ràng, song chỉ là qui tắc của một nhà hô-hào ra, chưa phải là qui tắc của quốc dân đã công nhận.

Qui tắc chữ của nước nào cũng vậy, đều lấy quốc dân công nhận làm bằng. Song muốn cho quốc dân có công nhận thế nào, thì tất phải có người dùng ra trước ; dùng ra trước, tức là làm qui tắc ; làm qui tắc, mà không được chính đáng, làm cho quốc dân công nhận lầm, cái trách nhiệm ấy, có phải là tại quốc dân đầu ? chính là ở

những tay người dùng ra trước. Thế thì quốc van mà có nhà định chính, có nhà kiểm duyệt, như là viện Hàn lâm, cầm quyền phán đoán vững vàng, quốc dân có thể lấy đó làm bằng, nói theo, viết theo, trong văn giới sẽ có qui tắc phân minh, là qui tắc của quốc dân công nhận.

Mới đây, tôi đọc báo Tri-Tân số 86, thấy ông Hoa-Bằng có cải chính những chữ dùng sai, và có giải rằng : *Tiếng Nam ngày nay, đương ở thời kỳ rèn luyện, bôn phận buộc chúng ta, không được viết câu thả, làm cho mất nếp, rồi dắt những người sau ta đây, lại đi theo vết lầm ấy* ». Đó, chính là một bài nói về « quốc văn ». Ngày tôi khởi thảo bản quốc văn, tôi vẫn giữ một tôn chỉ ấy, tôi chia ra làm hai mục : cú pháp và danh-từ.

Danh từ, là thu tập những danh từ cũ, và những danh từ mới tạo ra, còn cú pháp, là viết thế nào cho thành câu văn, phần nhiều là nhờ qui tắc về hư tự.

Nói tóm tắt, thì cú pháp, là viết sao cho không có chữ nào thừa, không có chữ nào thiếu, như : *sóng Ngán hà*, là viết thừa chữ « hà », như : *cho nên*, mà chỉ viết một chữ « nên », thế là thiếu chữ « cho ». Song làm thế nào

cho quốc dân công nhận : « thể là thiếu, thể là thừa », tất phải nhờ một cơ-quan định chính.

Nay như báo Tri Tân, mở ra một mục ấy, để định chính qui tắc cú pháp và danh từ, phạm những qui tắc, đã đăng vào mục quốc văn, để gọi mỹ tình của mọi người, như Nam Bắc không có ai dị nghị gì, thế là quốc dân công nhận cái qui tắc ấy.

Những qui tắc của quốc dân công nhận, tức là văn pháp, ai viết không hiệp văn pháp, tức là viết sai.

Có như thế, những người viết, ngồi bút không tự do, mà những người đọc, cũng cần nhắc câu văn,

tự phân biệt thế nào là hay, thế nào là dở.

Ba mươi năm về trước, là ngày quốc ngữ chưa phổ thông, tôi đã có viết quốc ngữ ít nhiều, tuy được công chúng hoan nghinh, song chỉ có lợi riêng, không có lợi chung. vì chỉ tác giả thu được một số tiền, còn độc giả, thì như Tân Đà đã nói trên kia, vì chưa có ai xét đến chỗ tác giả dụng tâm, cho nên đọc văn có qui tắc, cũng như đọc văn không có qui tắc. Nay Tri-Tân là một cơ-quan trọng yếu, không phải ở vào địa vị truyền-bá, mà ở vào địa vị định chính quốc văn, như tôi đã phò bày, thì có nhiều

người sẽ viết, đề đăng vào mục quốc văn, và có nhiều người sẽ hoan nghinh về mục ấy. Trong văn giới, không có ai nghị luận về quốc văn, cũng như giữa xứ lạ, chưa có đường mòn, mà không có bản chỉ đường, người nào cũng đi tự-do, hễ bước được là đi, thành thử, đi lạc đường, mà không tự biết; thế mà còn muốn làm vẻ vang cho nước, ai viết cũng tự xưng là quốc văn, hai chữ quốc văn, mà lạm dụng được luôn, thì quốc văn còn có giá trị gì nữa? Nhà báo, là nhà ngôn luận, thử xét coi có phải vậy không?

Nay kính

UNG-TRẦN

Thanh-danh của Hàn-lâm viện Pháp

(Tiếp theo trang 11)

Ngày hội-nghị thường vào thứ năm mỗi tuần-lễ, vào hồi 3 giờ rưỡi.

Công việc của viện là soạn bộ Từ-điển, chấm các bài thi ở các nơi gửi về tranh giải, ngoài ra còn bày những cuộc bầu-cử và « hoan-nghinh » các vị trúng-cử. Mỗi năm vào tháng Décembre lại có cuộc hội-nghị công khai. Ngày hôm ấy hội phát thưởng và viên bí-thư vĩnh viễn sẽ đọc một tờ báo-cáo hằng năm.

Sự phong-phú của hội.— Nhờ có trợ-cấp của nhà-nước và những món tiền tặng-dữ của các hội tư, số giải-thưởng một ngày một nhiều: có đến hàng trăm giải và tiền thưởng một ngày một lớn, năm 1934 lên tới hai mươi vạn quan, đủ tỏ cái tiếng tăm giàu có mà dư-luận đã gán cho viện, chưa kể những di-sản đồ-xộ như di-sản Chantilly.

Bổng cấp cho các hội-viên.— Sự giàu có nói trên là của Hội chứ không phải của những hội-viên mà tiền nhuận bút thường thưởng

rất đơn-giản. Trước Hoàng-Đế Louis Thập-tứ thường ban cho mỗi buổi hội-nghị, mỗi hội-viên được chừng 800 quan. Số bổng-cấp này đến giữa thế-kỷ thứ 18 lên tới 1200 quan, dưới thời Cháp-Chính: 1500 quan và ngày nay vào khoảng 5000 (1935).

Những cuộc bầu-cử.— Thoạt tiên bầu-cử làm theo cách lựa chọn, nhưng ngày nay bắt buộc phải ứng-cử và có thường-lệ, những người ứng-cử phải yết-kiến một lượt các ông trong viện Hàn-lâm. Tuy nhiên những bậc đại-danh thì thời nào cũng vậy và mới đây cũng vẫn được miễn cái lệ trên. Lệ bầu-cử thì thường lấy đại-đa-số và có khi phải tái-cử nhiều lần.

Những hội-viên trúng-cử.— Danh-giá của một hội-viên trong tòa Hàn-lâm Pháp không chỉ dành riêng cho những văn-sĩ viết được nhiều tác-phẩm giá-trị. Có những vị thực tài họ không cầu xin gì cả; nhưng cũng có những ngài phải loại ra vì phạm những việc gian-lậu trong nghề văn, can dự đến chính-trị, tôn-giáo hay phạm đến đạo-đức. Vì vậy trên những

danh-sách của Hàn-lâm viện Pháp, cái hội bác-học ấy, không có những tên của: Descartes, Pascal, Molière, La Rochefoucauld, Regnard, J.J. Rousseau, Diderot, Beaumarchais, Balzac, Alexandre Dumas père, Théophile - Gautier, Emile-Zola, Alphonse - Daudet, vân vân...

Dẫu chỉ vì cái tài văn chương của mình mà một người ra ứng-cử có thể trúng cử thì cái tài ấy, cũng không lấy gì làm quyết-định. Còn nhiều nguyên-tố giá trị khác nâng đỡ. Bên cạnh cái chân-giá-trị về văn-chương, Hàn-lâm viện còn xét đến cái giá trị đơn-giản của từng người. Cho nên thời nào cũng được nhận vào viện những nhà bác-học, những nhà chính-trị, những quan tư-pháp, những binh-sĩ, hay giáo-sĩ mà có khi cái vốn liếng về văn-chương rất mỏng mảnh, nhưng cái tài phán-đo cái nhân-thức, cái uy-thế là người. Sự biệt-dãi ấy rất hợp thâm-ý của ngay Giáo-chủ R. lieu chỉ muốn giao cái trọng-tư hướng - dẫn ngôn-ngữ và văn chương một nước trong thượng-lưu xã-hội.

NGUYỄN ĐAN-TÀ

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

ĐÊM HỘI LONG TRÌ

Số 13

NGUYỄN HUY TƯỜNG

KHI Ái Thi mang thư lại chàng đương nóng ruột về tin tức Quỳnh Hoa và đương bóp trán tìm kế cứu nàng. Đọc thư Quận chúa, chàng bất giác rung rưng hai hàng lệ, nàng đã tỏ hết lòng ngưỡng mộ của nàng đối với chàng. Nói rõ cảnh ngộ mình, xin vĩnh biệt cùng chàng và trả lại hai bài thơ mà nàng cho là không có quyền giữ. Cuối cùng nàng khuyên chàng nên quyết chí tu thân, rèn luyện văn chương, để ra giúp nước. Bài thơ bát cú của nàng làm ly sầu sắc, trách duyên tử phận, mỗi chữ là một giọt lệ, mỗi câu là một tiếng, thở dài, đọc lên như oán như than.

Bảo Kim nén nỗi đau lòng, hỏi chuyện Ái Thi về Quỳnh-Hoa. Con thị nữ kể lại hết cả tình cảnh Quận chúa. Chàng thương hại nàng, thân phục đạo hiếu của nàng, nhưng lại không chịu nàng về chỗ ngu-hiếu quá phục tùng ấy. Tiễn Ái Thi ra cổng, chàng dặn :

— Em về thưa với Quận-chúa rằng a sẽ theo hầu để bảo vệ ngài.

Trở lại thư phòng, Bảo-Kim ngồi phịch xuống một chiếc kỷ thờ dài :

— Chứa thực là một người cha tàn nhẫn !

Giờ xem bài phú Long-trì và ba bài từ tuyệt tụng Quỳnh-Hoa, lòng chàng choán một nỗi buồn thâm thía :

— Quỳnh-Hoa hỡi, để làm chi những bài vô dụng này ? Nó còn nghĩa lý gì ở đời nữa ?

Hàng lay lắt bài phú và ba từ tuyệt. Chàng ngao-ngán nhìn lại. Một chốc chốc con lại một n tro khét lết. Bao Kim chưa dứt nghĩ :

— Thề là hết, Quỳnh-Hoa nàng ơi !

Và chàng không cầm được giọt lệ. Giữa lúc ấy thì các bạn chàng đến tìm. Hoàng đình Nghiễm nghiêm sắc mặt nói :

— Anh hùng không rỏ lệ bao giờ. Bảo-Kim đứng dậy, mời các bạn vào chơi và nói :

— Tôi oâm thương Quỳnh Hoa, xúc động quá nên khóc, kẻ cũng là nhục cho một kiếp nam nhi, nhưng thực ra cũng chỉ vì mối tình thâm trọng quá !

Họ lặng thinh, búi ngủi cho bạn và cho Quận-chúa.

Hồi lâu, Hoàng đình Nghiễm hỏi :
— Việc đã đến thế, nay ta tính sao ?

Bảo Kim :

— Không có lẽ để yên cho ngầu vầy hạt ngọc.

Trần Thành :

— Can chúa thượng.

Hoàng đình Nghiễm lắc đầu :

— Không được. Tuyền phi còn đấy, can chúa thượng vô ích. Nghe đâu các quan cũng có dąng sợ về việc này, nhưng chúa thượng không xét.

Đỗ tuần Giao :

— Tôi tính không gì bằng đánh tháo cho Quận chúa.

Trần Thành :

— Ý kiến ấy hơn cả. Chỉ tiếc Nguyễn Mai không có đây.

Lưu sĩ Trục :

Nguyễn Mai còn sáu bảy hôm nữa mới ra nhận chức. Và trông mong gì ? Mình phải chắc ở mình mới được.

Đỗ tuần Giao :

Chúng mình làm lữ là hơn cả.

Lê bá Hồ :

— Nhưng làm cách nào ? Đám

cười một bà Quận chúa có phải đâu như đám cười người thường. Không dễ đến gần cô dâu đâu. Các anh nên tính đến nước ấy. Lọt vào hàng quân lính cũng khó khăn lắm :

Hoàng đình Nghiễm :

— Tôi tính không nên đánh tháo ngoài đường, làm loạn phép nước của chúa thượng. Phải vào tận sào huyệt quân giặc mới được.

Cả bọn :

— Vào phủ cậu Trời !

Hoàng đình Nghiễm :

— Chứ sao ? Các anh sợ à ?

Lê bá Hồ :

Sợ thì không sợ, nhưng khó khăn !

Hoàng đình Nghiễm :

— Không khó. Trong lúc cười người ra vào tấp nập, chúng ta đi lẫn với đám đông, cùng vào phủ cậu Trời, đại náo một phen ra sao, cho nó biết tay học trò Quốc tử giám.

Cả bọn đáp :

— Anh Hoàng hơn tuổi vẫn có hơn. Vũ Hoành hỏi :

— Tôi không sợ chết. Các anh đi đâu, tôi xin theo đấy. Nhưng việc mình dự định liệu có thành không ? Tôi nghe tên Đặng Lân nổ có hàng trăm lính hầu, đưa nào cũng giỏi võ nghệ, ta có mấy người thì làm ăn gì ?

Trần Thành mắng lại :

— Ai cũng do dự như anh thì việc gì xong được ? Tôi nhất quyết tán thành ý kiến của anh Nghiễm :

Cả bọn :

— Tán thành.

Bảo Kim cảm động vì lòng sốt sắng của anh em. Chàng cũng biết rằng đó là một công việc nguy hiểm, vì phủ Đặng Lân là một tòa lâu đài kiên cố, đường lối học hiêm mà

quán gia đầy tớ thì nhiều không biết bao nhiêu mà kể. Biết thế, nhưng phần thì nóng muốn cứu Quỳnh Hoa, phần thì sợ nói ra thì các bạn chê là nhát. Bảo Kim cứ ngồi lặng im, không tán thành mà cũng không phản-đối.

Hoàng đình Nghiêm hỏi :

— Anh Kim tính thế nào ?

— Tôi thì không ngại, vì đó là công việc của tôi. Tôi chỉ ngại cho các anh.

Mọi người :

— Anh không phải nói khích nữa.

— Tôi không nói khích, các anh cũng biết tính tôi. Việc ta định làm, phải làm. Nhưng tôi chỉ e chúng ta bở ngỡ. Ta có thể hò hào dân chúng giúp một phần, vì những kẻ bị cậu Trời ức hiếp nhiều không kể xiết. Họ chỉ đợi dịp là hưởng ứng ngay. Nhưng làm thế thì to chuyện quá, chúng ta sẽ mang tiếng là quân phiến loạn, đạo thần tử nhẽ nào lại thế. Tôi tính thế này : cậu ấm Dương tuần Nghiệp biết rõ ràng đường lối trong phủ Đặng Lân. Từ hôm vợ cậu ta bị Đặng Lân đánh chết cậu ta phiền muộn, chỉ lấy sự uống rượu làm khuây. Ta nên liên lạc với cậu ta, nhờ cậu ta làm hướng đạo, thì công việc sẽ dễ dàng hơn. Anh em tính sao ?

Đỗ tuần Giao :

— Nặng lắm. Nhưng còn việc cứu Quận-chúa thì làm thế nào ?

Bảo Kim đáp :

— Ta sẽ dò xem nàng ở lầu nào. Rồi một người sẽ lấy giấy giòng nàng từ trên lầu xuống. Bên ngoài đã có người đợi, ta thuê sẵn một chiếc xe ngựa, vực nàng lên xe, tạm lánh về nhà anh Thành ở làng Mọc, có được không ?

Trần-Thành :

— Sao lại không ? Vậy bây giờ ta cất việc. Ai vào phủ, ai ở ngoài ? Anh Kim nên ở ngoài, là hơn cả.

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TUÔNG

Vì một cơ riêng, bài « Một giờ với ông Đ. D. A. » không ra được. Xin các bạn đọc lượng thứ.

Phải làm cách nào cho tiếng ta được phong-phủ và thuần-túy ?

(Tiếp theo trang 3)

Khi nói về Chu-công là chủ Thành-vương, người ta muốn cho độc-giả dễ hiểu những người mình nói đó là hạng nhân vật nào, rất có thể viết: ông Chu-công đã giúp vua Thành-vương giữ vững cơ-nghiệp nhà Châu. Thực ra, « công » đã là ông, mà « vương » đã là vua rồi; nhưng viết thế cũng vẫn không thấy lộ rõ cái thừa ấy lắm.

Vậy xin tùy từng chỗ, tùy từng lúc hãy nên nghiêm khắc về điểm này.

Nói tóm, ngôn-ngữ văn-tự nước nào cũng vậy, những tiếng đã được đại-chúng diêm-hóa làm cho thông-dụng, thì dù có biến chuyển đến đâu cũng vẫn được người ta thừa nhận và ứng dụng.

Ngày nay chúng ta cần làm những công việc này :

1-) Đối với những tiếng chưa thông dụng mà sai lầm, cần phải đính-chính lại ngay cho khỏi xuyên tạc.

2-) Đối với những tiếng cổ-hữu của ta, nếu không vì một cơ bất đắc dĩ nào, đừng nên làm cho chúng mất tính-cách tự-nhiên của việt-ngữ.

3-) Đối với những tiếng ngoại-lai, trừ khi nào cần dùng cho được việc thì hãy nên dùng, chứ đừng lạm-dụng trong văn-chương làm cho việt-văn sa vào cái nạn không thuần-túy.

Còn những danh-từ các chuyên khoa, công-việc chế hóa ấy xin nhường các nhà chuyên-môn trong các ngành khoa-học.

HOA-BẮNG

Tổng phúc Đạm

(Tiếp theo trang 18)

Tổng Phúc-Đạm tính rất nghiêm trọng, khi vui lúc giận không bao giờ tỏ ra sắc mặt cả. Trái lắm phen gian-nan vật vả mà vẫn chẳng ngã lòng; bàn mưu giúp kế cũng được nhiều điều bổ-ích. Song có tính nhất sùng: mỗi khi đem quân ra trận, giặc-vấp và chỉ bảo phương-lược cho tướng sĩ đâu đấy rồi thì Đạm xuống ngồi ngay trong cái hầm đã đào sâu ở sau mặt trận, đợi đến khi tan cuộc giao chiến, giặc lui rồi mới ra.

Tuy nhiên, hiệu-lệnh rất nghiêm, tướng sĩ rất sợ, nên không mấy khi bại trận.

NGUYỄN TRIỆU

(1) Phòng theo Đại Nam Chính-biên liệt truyện quyển 8 từ 32

(2) Duệ-tôn tức là Định Vương Nguyễn phúc-Truân (1754-1777).

(3) Hoàng tôn Dương là con Phúc tử Phúc Hiệu. Phúc-Hiệu là con thứ 9 Võ Vương song đã mất sớm từ năm 22 tuổi là năm Canh-thìn (1760)

(4) Tháng 9 năm Đinh mùi (October 1787) Nguyễn Nhạc tự xưng làm Trung ương hoàng-đế ở Quy nhơn, lấy niên hiệu là Thái-đức và phong cho hai em là Huệ làm Bắc-bình Vương ở Phú Xuân và Túc làm Đông-định Vương ở Gia định

(5) Thuộc Bên hòa.

Diễn thuyết ở nhà Xéc

Đồng Đạo Hà-dòng

Đến tối thứ-tư 14 avril 1948 này, hồi 20 giờ, ông Hội-Thống Vũ-van-Lợi, Tham-lã ngạch Tòa Sứ Bắc-Kỳ, sẽ nói chuyện ở Câu lạc bộ Đồng Đạo (Hà-dòng) về :

« NGUYỄN DU và một nghệ-thuật sống ở đầu thế-kỷ thứ mười chi »

Sau cuộc nói chuyện, có 1 danh-ca Bạch-Liên ngâm Kiều ca hát.

Sách của thư-xã

Alexandre de RhodesĐÃ XUẤT BẢN**Thơ Ngụ ngôn La Fontaine**Ban dịch của ông NGUYỄN-VĂN-VĨNH, có cả
Pháp văn đối chiếu.150 trang đều có tranh ảnh của MẠNH-QUỖNH
Bìa 3 màu, khổ 17×23.

Bản thường 1 \$ 00 — Bản giấy Đại La 5 \$ 00

KIM-VĂN-KIỀU, tome IBan dịch và chú thích của ông Nguyễn-văn-Vĩnh
350 trang khổ 17×23

Bản thường 2 \$ 00 — Bản giấy Vercé bouffant 7 \$ 00

Lược-khảo Việt-Ngữ

của ông Lê-văn-Nưu

Ngot 100 trang khổ 12×17

Bản thường 0 \$ 50 — Bản giấy gió 4 \$ 00

—*—

Sắp xuất bản, vào đầu tháng Avril**LE PAYSAN TONKINOIS**

à travers le parler populaire

Ban Pháp văn của ông PHẠM-QUỖNH
101 trang, cả tranh ảnh của MẠNH QUỖNH
Bìa 2 màu, khổ 17×23

Bản thường 0 \$ 80 — Bản giấy Đại la 5 \$ 00

Tổng phát-hành **Mai-Linh**

21 Rue des Pipes Hanoi

NGÔ TẮT TÔ**THI VĂN****BÌNH CHÚ**

QUYỀN THỨ-I : 1 \$ 20

QUYỀN THỨ II : 1 \$ 50

Đã xuất-bản trong « Tủ sách Tao-Đàn »

Một bộ sách văn học có giá trị hợp tập
được hết tất cả những bài văn thơ có giá
trị từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX. Bình chú
rất công phu. Sách in cực đẹp.

ĐÃ CÓ BAN :**ĐÀO-DUY-ANH****TRUNG-HOA SỬ CƯƠNG**

(Từ đời thai-cổ đến ngày nay, quyền sách
đầu tiên viết bằng quốc-văn về lịch-sử Trung-
hoa là nước văn-minh xưa nhất Á-đông và đã
làm thầy văn hóa cho nước ta trong gần hai
mươi thế kỷ). Giá bán : 3 \$ 00

VĂN-HÒA

29, Marechal Pétain — Hué

Đã có bán**NHÂN LOẠI**

tiên hóa sử

của

BÁCH - KHOA

Dày trên 200 trang — Giá 1 \$ 80

Đang in**GỐC TÍCH LOÀI NGƯỜI**

của Giáo Sư Nguyễn-đức-Quỳnh

Đó là 2 cuốn Nghiên cứu mở đầu
cho một bộ sách đồ sộ mà ai cũng
phải đọc để hiểu mình là gì.

HÃN THUYỀN PHÁT HÀNH

Tổng Đại-lý SAIGON CHỢ LỚN : Hiệu sách

Xưa Nay, 62 Bonnard — Saigon